

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu;
- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018;

Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu đã thống nhất thông qua các nội dung như sau:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh – đầu tư năm 2017 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 (chi tiết theo tài liệu trình ĐHĐCĐ) với các chỉ tiêu chính như sau:

1.1 Về sản xuất kinh doanh:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018
1	SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ	lít	49.083.810	57.050.000
	Bia chai Sài Gòn 355ml	lít	46.118.760	53.820.000
	Bia chai Sài Gòn Special	lít	2.965.050	3.230.000
2	TỔNG DOANH THU	đồng	296.790.506.954	372.753.250.165
3	TỔNG CHI PHÍ	đồng	247.533.584.631	330.255.689.669
4	LỢI NHUẬN (trước thuế)	đồng	49.256.922.323	42.497.560.496
5	TỶ SUẤT LỢI NHUẬN (trước thuế)/VĐL	%	41	35

1.2 Về đầu tư năm 2018: (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2: Thông qua Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát năm 2017, Báo cáo tài chính năm 2017 (đã được kiểm toán).

Điều 3: Thông qua báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018.

Điều 4: Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ và ban hành Quy chế quản trị của Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu.

Điều 5: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2017 và Kế hoạch năm 2018:

T T	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2017		KẾ HOẠCH 2018	
		TỶ LỆ	SỐ TIỀN (đồng)	TỶ LỆ	SỐ TIỀN (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế		49.256.922.323		42.497.560.496
2	Thuế TNDN		4.493.493.519		3.205.317.037
3	Lợi nhuận sau thuế		44.763.428.804		39.292.243.459
	Lợi nhuận giữ lại từ các năm trước chuyển sang		22.547.724.142		26.036.981.505
4	Cộng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		67.311.152.946		65.329.224.964
5	Phân phối lợi nhuận				
	Quỹ khen thưởng HĐQT, BKS	5%	2.238.171.440	5%	1.964.612.173
	Quỹ an sinh xã hội		3.000.000.000		2.000.000.000
6	Chia cổ tức	30%	36.036.000.000	25%	30.030.000.000
	- Bằng tiền	30%	36.036.000.000	25%	30.030.000.000
7	Lợi nhuận giữ lại chuyển năm sau		26.036.981.505		31.334.612.791

Điều 6: Thông qua phương án quyết toán thù lao của HĐQT, BKS 2017 và Kế hoạch năm 2018:

TT	THÙ LAO	ĐVT	THỰC HIỆN 2017 (đ/người/tháng)	KẾ HOẠCH 2018 (đ/người/tháng)
1	Hội đồng Quản trị	đồng	860.000.000	1.560.000.000
	Chủ tịch	đồng	25.000.000	40.000.000
	Thành viên HĐQT (4 người)	đồng	15.000.000 10.000.000	(**) 25.000.000 (*) 20.000.000
2	Ban Kiểm soát	đồng	240.000.000	300.000.000
	Trưởng ban	đồng	10.000.000	15.000.000
	Thành viên BKS (2 người)	đồng	5.000.000	5.000.000
	TỔNG CỘNG	đồng	1.100.000.000	1.860.000.000

(*) Hai thành viên HĐQT không chuyên trách

(**) Hai thành viên HĐQT chuyên trách

Điều 7: Thông qua vấn đề lựa chọn công ty kiểm toán cho năm 2018 như sau:

Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán cho Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu của năm tài chính 2018 theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 8: Giao nhiệm vụ cho Hội đồng Quản trị chỉ đạo, Ban điều hành tổ chức thực hiện các nội dung Nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu và báo cáo cho Cổ đông trong Đại hội kế tiếp.

Nơi nhận:

- Cổ đông (Đăng trang tin điện tử Cty)
- UBCKNN, Sở GDCKHN
- HĐQT, BKS, BGD
- Lưu HĐQT

**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Phạm Thị Hồng Hạnh

TP HCM, ngày 15 tháng 06 năm 2018

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2018

(Đính kèm Nghị quyết số 01/2018/NQ – ĐHDCĐ của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018)

STT	Hạng mục đầu tư, sửa chữa	Giá trị dự toán (VND)	Thời gian hoàn thành
I	Đầu tư sửa chữa thiết bị		
1	- Đầu tư lắp mới hệ thống thu hồi năng lượng tại nồi đun sôi nhà nấu bia;	5.500.000.000	Quý 3/2018
2	- Đầu tư mới thiết bị nhập nguyên liệu bằng container tải trọng 60 tấn và 02 si lô chứa malt thể tích 200 m ³ /si lô (chứa 150 tấn malt/silo); cải tạo gàu tải malt; lắp vít tải mới kết nối với hệ thống nhập xuất nguyên liệu hiện hữu; - Đầu tư mới 01 silo chứa gạo thể tích 50m ³ /silo (bằng silo hiện hữu) và vít tải, gàu tải mới để kết nối với hệ thống hiện hữu.	8.000.000.000	Quý 3/2018
3	Đầu tư phần mềm Braumat thay thế PCS7 cho hệ thống Nhà Nấu – Lên Men	4.000.000.000	Quý 3/2018
4	Đầu tư nâng cấp tự động hóa hệ thống xử lý nước (thay thế vận hành thủ công) và thay thế thiết bị hiện hữu do xuống cấp	9.500.000.000	Quý 3/2018
5	Đầu tư hệ thống làm giàu CO ₂ và cải tạo nâng cấp toàn bộ hệ thống thu hồi CO ₂ (300kg/giờ)	7.000.000.000	Quý 4/2018
6	Cải tạo Panel các cụm của Tank lên men	1.700.000.000	Quý 3/2018
7	Sửa chữa, thay thế hệ thống thang leo, lan can, sàn thao tác đỉnh tank lên men	1.450.000.000	Quý 2/2018
8	Đường ống ngoại tuyến, đường điện động lực	2.500.000.000	Quý 2/2018
9	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống nấu	1.687.000.000	Quý 3/2018
10	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống động lực, xử lý nước	1.544.000.000	Quý 3/2018

397
TY
HẠN
A
CLUB
BAC

STT	Hạng mục đầu tư, sửa chữa	Giá trị dự toán (VND)	Thời gian hoàn thành
11	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp thiết bị kiểm nghiệm	255.000.000	Quý 3/2018
	CỘNG	43.136.000.000	
II	Sửa chữa nhà xưởng		
1	Thay thế tole và máng xối mái nhà lắp đặt 02 dây chuyền chiết cũ, mái nhà kho thành phẩm, nhà ở tập thể, căn tin,	1.271.850.000	Quý 2/2018
2	Sửa chữa đường nội bộ, nền kho thành phẩm, nền 02 dây chuyền chiết cũ sau khi tháo dỡ, nền khu vực tank lên men, trữ men	2.466.801.000	Quý 3/2018
3	Lắp mới hệ thống PCCC cho dây chuyền chiết chai mới, công suất 30.000 chai/giờ	485.000.000	Quý 1/2018
	CỘNG	4.223.651.000	
	TỔNG CỘNG (I) +(II)	47.359.651.000	

**CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Phạm Thị Hồng Hạnh



Số: 01/2018/BB-DHĐCĐ

TP. HCM, ngày 15 tháng 6 năm 2018

BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Hôm nay, vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại Khách sạn GRAND SÀI GÒN (ĐC: Số 08, đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu được tổ chức.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

1. Cổ đông và đại diện được cổ đông ủy quyền:

- Ông Nguyễn Tấn Phiên – Trưởng Ban Kiểm soát - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả cổ đông tham dự gồm có:

+ Cổ đông trực tiếp và cổ đông ủy quyền tham dự: 36 người

+ Đại diện cho : 8.392.966 cổ phần

+ Chiếm tỷ lệ : 69,8715 % cổ phần có quyền biểu quyết

- Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu có đủ điều kiện để tiến hành.

2. Đại biểu tham dự: Đại hội vinh dự đón nhận sự hiện diện của các Quý đại biểu:

+ Ông Nguyễn Thành Nam – Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn

+ Ông Trương Vĩnh Tùng – Tổng Giám đốc, Công ty TNHH MTV TM Bia Sài Gòn

+ Các đồng chí Giám đốc điều hành, các Trưởng Ban của Tổng Công ty, lãnh đạo các đơn vị trong hệ thống Bia Sài Gòn và các đối tác.

3. Thành phần của Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu: bao gồm

+ Bà Phạm Thị Hồng Hạnh Chủ tịch HĐQT

+ Ông Nguyễn Văn Đồi Ủy viên HĐQT

+ Ông Phạm Hồng Minh Ủy viên HĐQT

+ Ông Nguyễn Tấn Phiên Trưởng Ban Kiểm soát

+ Bà Trần Thị Ngọc Diệp Thành viên Ban Kiểm soát

+ Cùng các ông, bà trong Ban điều hành và cán bộ quản lý của Nhà máy Bia Sài Gòn Bạc Liêu.

II. NGHI THỨC VÀ THỦ TỤC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

1. Ban Tổ chức mời Đoàn Chủ tịch điều hành Đại hội là:

- Bà Phạm Thị Hồng Hạnh Chủ tịch HĐQT

- Ông Trịnh Công Vinh Giám đốc

- Bà Trần Thị Chất Kế toán trưởng

2. Chủ tọa cử Ban Thư ký Đại hội gồm:

- Ông Huỳnh Vạn Đồng Phó Giám đốc

- Ông Ngô Quang Thoại CV Phòng TCKT

- Bà Võ Phương Anh CV phòng Kỹ thuật

3. Chủ tọa giới thiệu Ban kiểm phiếu gồm:

- Ông Trần Văn Sang Phó Giám đốc Trưởng Ban

- Bà Bùi Thị Ngát CV phòng TCKT Thành viên

- Ông Phạm Ngọc Giang CV phòng HCTH Thành viên

♦ Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đồng ý thông qua Ban kiểm phiếu.

4. Chủ tọa công bố chương trình họp và Quy chế làm việc tại Đại hội:

♦ Đại hội đã biểu quyết với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đồng ý thông qua chương trình họp và Quy chế làm việc tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018.

III. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP :

1. Báo cáo tóm tắt các nội dung trình Đại hội thảo luận và thông qua:

1.1 Ông Trịnh Công Vinh - Giám đốc: trình bày Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh - đầu tư năm 2017 và Kế hoạch năm 2018 của Công ty.

1.2 Ông Nguyễn Tấn Phiên – Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát năm 2017, Báo cáo tài chính năm 2017 (đã kiểm toán).

1.3 Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Chủ tịch HĐQT trình bày:

+ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 và Kế hoạch, phương hướng hoạt động năm 2018.

+ Sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty.

+ Thông qua quy chế quản trị công ty.

+ Tờ trình phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017.

+ Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018.

+ Tờ trình quyết toán thù lao của HĐQT, BKS năm 2017 và Kế hoạch 2018.

+ Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018.

2. Thảo luận tại Đại hội:

- Cổ đông Dương Tiến Viễn đề nghị chia cổ tức năm 2017 tối thiểu 35% và xem xét lại mức lợi nhuận kế hoạch năm 2018. Thống nhất với mức đề nghị thù lao HĐQT – BKS năm 2018, tuy nhiên mức chi đề nghị sẽ chi tạm ứng 80%, 20% còn lại và mức thưởng sẽ chi sau khi hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm.

- Bà Trần Thị Chất – Kế toán trưởng công ty giải trình các vấn đề về việc chia cổ tức và kế hoạch lợi nhuận năm 2018 chủ yếu là do tác động của công tác đầu tư, giá cả nguyên vật liệu chính và dự báo tình hình thị trường ngày càng khó khăn.

- Cổ đông Nguyễn Văn Trung: thống nhất với quy chế nội bộ và sửa đổi điều lệ công ty, tuy nhiên đề nghị Công ty xem xét về quy định người quản trị Công ty theo nghị định 71.

- Bà Phạm Thị Hồng Hạnh phát biểu do công ty chỉ mới là Công ty đại chúng nên chưa áp dụng quy định về người quản trị Công ty theo Nghị định 71.

- Ông Nguyễn Văn Đồi – TV HĐQT phát biểu ý kiến:

+ Về tình hình thị trường của nhà máy đang ngày càng khó khăn do việc mất dần thị phần trong những tháng đầu năm dẫn đến kế hoạch lợi nhuận năm 2018 là khó khả thi.

+ Đề nghị điều chỉnh mức lương cho người lao động đang làm việc tại công ty cho phù hợp với mức sống hiện nay và với các nhà máy trong khu vực.

- + Đề nghị trích một phần lợi nhuận năm 2018 cho công tác hỗ trợ bán hàng.
- + Thống nhất với ý kiến của anh Văn Bá Nam đề nghị chia cổ tức thêm 10%.
- + Đề nghị Ban điều hành chú trọng cho công tác vệ sinh công nghiệp tại nhà máy bằng nhiều giải pháp.
- Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Chủ tịch HĐQT: khi xây dựng các chỉ tiêu tài chính HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện theo thông báo kế hoạch giao hàng ban đầu của Tổng Công ty, do chưa có đầy đủ thông tin về chiến lược của Cổ đông lớn Sabeco nên đề nghị các Cổ đông tạm thời thông qua kế hoạch 2018 và các nội dung tờ trình trình Đại hội ngày hôm nay. Khi có thông tin về chiến lược rõ ràng của cổ đông lớn Sabeco, HĐQT và ban điều hành Công ty sẽ thông báo đến quý cổ đông để có những điều chỉnh bổ sung cho phù hợp. Ngoài ra Công ty dự kiến đầu tư bổ sung thêm 18 tỷ đồng theo các góp ý của Đoàn công tác Sabeco làm việc tại nhà máy ngày 18/5/2018.
- Ông Nguyễn Thành Nam - Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Tổng Công ty đại diện phát biểu: hoan nghênh các kết quả mà Nhà máy đã đạt được năm 2017, tuy nhiên cần lưu ý xây dựng kế hoạch 2018 có khả thi và sát với thực tế. Đồng thời thông tin thêm về các định hướng sản xuất tiêu thụ Bia Sài Gòn năm 2018.

Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Chủ tịch HĐQT đáp từ và cảm ơn những ý kiến chỉ đạo của Tổng Công ty và các ý kiến của cổ đông.

3. Biểu quyết thông qua các nội dung trình Đại hội:

3.1 Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh – đầu tư năm 2017 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh – đầu tư năm 2018 (chi tiết theo tài liệu trình DHDCE) với các chỉ tiêu chính như sau:

a. Về sản xuất kinh doanh:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2017	KẾ HOẠCH 2018
1	SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ	lít	49.083.810	57.050.000
	Bia chai Sài Gòn 355ml	lít	46.118.760	53.820.000
	Bia chai Sài Gòn Special	lít	2.965.050	3.230.000
2	TỔNG DOANH THU	đồng	296.790.506.954	372.753.250.165
3	TỔNG CHI PHÍ	đồng	247.533.584.631	330.255.689.669
4	LỢI NHUẬN (trước thuế)	đồng	49.256.922.323	42.497.560.496
5	TỶ SUẤT LỢI NHUẬN (trước thuế)/VĐL	%	41	35

b. Về đầu tư năm 2018:

STT	Hạng mục đầu tư, sửa chữa	Giá trị dự toán (VND)	Thời gian hoàn thành
1	Đầu tư sửa chữa thiết bị		
1	- Đầu tư lắp mới hệ thống thu hồi năng lượng tại nồi đun sôi nhà nấu bia;	5.500.000.000	Quý 3/2018

STT	Hạng mục đầu tư, sửa chữa	Giá trị dự toán (VND)	Thời gian hoàn thành
2	- Đầu tư mới thiết bị nhập nguyên liệu bằng container tải trọng 60 tấn và 02 si lô chứa malt thể tích 200 m ³ /si lô (chứa 150 tấn malt/silo); cải tạo gàu tải malt; lắp vít tải mới kết nối với hệ thống nhập xuất nguyên liệu hiện hữu; - Đầu tư mới 01 silo chứa gạo thể tích 50m ³ /silo (bằng silo hiện hữu) và vít tải, gàu tải mới để kết nối với hệ thống hiện hữu.	8.000.000.000	Quý 3/2018
3	Đầu tư phần mềm Braumat thay thế PCS7 cho hệ thống Nhà Nấu – Lên Men	4.000.000.000	Quý 3/2018
4	Đầu tư nâng cấp tự động hóa hệ thống xử lý nước (thay thế vận hành thủ công) và thay thế thiết bị hiện hữu do xuống cấp	9.500.000.000	Quý 3/2018
5	Đầu tư hệ thống làm giàu CO ₂ và cải tạo nâng cấp toàn bộ hệ thống thu hồi CO ₂ (300kg/giờ)	7.000.000.000	Quý 4/2018
6	Cải tạo Panel các cụm cửa Tank lên men	1.700.000.000	Quý 3/2018
7	Sửa chữa, thay thế hệ thống thang leo, lan can, sàn thao tác đỉnh tank lên men	1.450.000.000	Quý 2/2018
8	Đường ống ngoại tuyến, đường điện động lực	2.500.000.000	Quý 2/2018
9	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống nấu	1.687.000.000	Quý 3/2018
10	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống động lực, xử lý nước	1.544.000.000	Quý 3/2018
11	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp thiết bị kiểm nghiệm	255.000.000	Quý 3/2018
	CỘNG	43.136.000.000	
II	Sửa chữa nhà xưởng		
1	Thay thế tole và máng xối mái nhà lắp đặt 02 dây chuyền chiết cũ, mái nhà kho thành phẩm, nhà ở tập thể, căn tin,	1.271.850.000	Quý 2/2018
2	Sửa chữa đường nội bộ, nền kho thành phẩm, nền 02 dây chuyền chiết cũ sau khi tháo dỡ, nền khu vực tank lên men, trữ men	2.466.801.000	Quý 3/2018
3	Lắp mới hệ thống PCCC cho dây chuyền chiết chai mới, công suất 30.000 chai/giờ	485.000.000	Quý 1/2018
	CỘNG	4.223.651.000	
	TỔNG CỘNG (I) +(II)	47.359.651.000	

♦ Kết quả biểu quyết:

- Cổ đông tán thành : 6.737.716 cổ phần, chiếm tỷ lệ 80,2781 %
- Cổ đông không tán thành : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- Cổ đông không có ý kiến : 17.160 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,2045%

3.2 Thông qua Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát năm 2017, Báo cáo tài chính năm 2018 (đã được kiểm toán):

- ◆ Kết quả biểu quyết:
 - Cổ đông tán thành : 6.737.716 cổ phần, chiếm tỷ lệ 80,2781 %
 - Cổ đông không tán thành : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 - Cổ đông không có ý kiến : 17.160 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,2045%

3.3 Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017 và Kế hoạch hoạt động năm 2018:

- ◆ Kết quả biểu quyết:
 - Cổ đông tán thành : 6.737.716 cổ phần, chiếm tỷ lệ 80,2781 %
 - Cổ đông không tán thành : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 - Cổ đông không có ý kiến : 17.160 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,2045%

3.4 Thông qua việc sửa đổi và bổ sung điều lệ công ty:

- ◆ Kết quả biểu quyết:
 - Cổ đông tán thành : 6.754.876 cổ phần, chiếm tỷ lệ 80,4826 %
 - Cổ đông không tán thành : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 - Cổ đông không có ý kiến : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

3.5 Thông qua quy chế quản trị công ty:

- ◆ Kết quả biểu quyết:
 - Cổ đông tán thành : 6.754.876 cổ phần, chiếm tỷ lệ 80,4826 %
 - Cổ đông không tán thành : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
 - Cổ đông không có ý kiến : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

3.6 Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2017 và kế hoạch năm 2018:

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2017		KẾ HOẠCH 2018	
		TỶ LỆ	SỐ TIỀN (đồng)	TỶ LỆ	SỐ TIỀN (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế		49,256,922,323		42,497,560,496
2	Thuế TNDN		4,493,493,519		3,205,317,037
3	Lợi nhuận sau thuế		44,763,428,804		39,292,243,459
	Lợi nhuận giữ lại từ các năm trước chuyển sang		22,547,724,142		26,036,981,505
4	Cộng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		67,311,152,946		65,329,224,964
5	Phân phối lợi nhuận				
	Quỹ khen thưởng HĐQT, BKS	5%	2,238,171,440	5%	1,964,612,173
	Quỹ an sinh xã hội		3,000,000,000		2,000,000,000
6	Chia cổ tức	30%	36,036,000,000	25%	30,030,000,000
	- Bằng tiền	30%	36,036,000,000	25%	30,030,000,000
7	Lợi nhuận giữ lại chuyển năm sau		26,036,981,505		31,334,612,791

Kết quả biểu quyết:

- Cổ đông tán thành : 6.737.716 cổ phần, chiếm tỷ lệ 80,2781 %
- Cổ đông không tán thành : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- Cổ đông không có ý kiến : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

3.7 Thông qua phương án quyết toán thù lao của HĐQT, BKS 2017 và Kế hoạch năm 2018:

TT	THÙ LAO	ĐVT	THEO NGHỊ QUYẾT 01/2017/NQ- ĐHĐCĐ (đ/người/tháng)	THỰC HIỆN 2017 (đ/người/tháng)	KẾ HOẠCH 2018 (đ/người/tháng)
1	Hội đồng Quản trị	đồng	900,000,000	860,000,000	1,560,000,000
	Chủ tịch	đồng	25,000,000	25,000,000	40,000,000
	Thành viên HĐQT (4 người)	đồng	10,000,000 15,000,000	10,000,000 15,000,000	(*)20,000,000 (**) 25,000,000
2	Ban Kiểm soát	đồng	240,000,000	240,000,000	300,000,000
	Trưởng ban	đồng	10,000,000	10,000,000	15,000,000
	Thành viên BKS (2 người)	đồng	5,000,000	5,000,000	5,000,000
	TỔNG CỘNG	đồng	1,140,000,000	1,100,000,000	1,860,000,000

(*) 2 Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách

(**) 2 Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách

◆ *Kết quả biểu quyết:*

- Cổ đông tán thành : 6.754.876 cổ phần, chiếm tỷ lệ 80,4826 %
- Cổ đông không tán thành : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- Cổ đông không có ý kiến : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

3.8 Thông qua vấn đề lựa chọn công ty kiểm toán cho năm 2018 như sau:

Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán cho Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu của năm tài chính 2018 theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

◆ *Kết quả biểu quyết:*

- Cổ đông tán thành : 6.754.876 cổ phần, chiếm tỷ lệ 80,4826 %
- Cổ đông không tán thành : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%
- Cổ đông không có ý kiến : 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%

4. Thông qua Biên bản Đại hội :

- Ông Huỳnh Vạn Đồng thay mặt Ban Thư ký Đại hội đọc Biên bản Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu.
- *Kết quả biểu quyết: 100% số cổ phần có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đồng ý thông qua toàn văn Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.*

IV. BẾ MẠC ĐẠI HỘI:

- Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội.
- Biên bản này được lập xong lúc 12 giờ 30 phút ngày 15/06/2018.
- Đại hội kết thúc vào lúc 12 giờ 35 phút cùng ngày.

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phạm Thị Hồng Hạnh

TM. BAN THƯ KÝ

Huỳnh Vạn Đồng





Bạc Liêu, ngày 15 tháng 06 năm 2018

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH – ĐẦU TƯ
NĂM 2017 & KẾ HOẠCH NĂM 2018

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017:

1. Những thuận lợi và khó khăn trong quá trình hoạt động năm 2017:

a. Thuận lợi

- Được sự hỗ trợ, giúp đỡ của Tổng Công ty, Công ty Thương mại Bia Sài Gòn và các đơn vị trong hệ thống Bia Sài Gòn; sự ủng hộ chính quyền địa phương tại các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng.
- Sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời về các mặt quản trị công tác sản xuất, nhân sự, giao hàng của Hội đồng quản trị Công ty và nhất là của Chủ tịch HĐQT;
- Sự nỗ lực, phấn đấu của Ban điều hành và người lao động trong việc thực hiện tốt các chủ trương của Hội đồng quản trị Công ty; nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2017.

b. Khó khăn

- Giá nguyên liệu malt, houblon tăng cao hơn so với kế hoạch đầu năm 2017 (tăng 7,1 tỷ đồng).
- Năm 2017 sản lượng tiêu thụ của Công ty giảm 8% so năm 2016, quá trình sản xuất và tiêu thụ bia Sài Gòn đối mặt nhiều khó khăn thách thức bởi sự thay đổi về chính sách của Nhà nước và sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt của các hãng bia đối thủ. Các hãng bia đối thủ tiếp tục dồn kinh phí, nhân lực và chương trình khuyến mãi để chiếm thị phần tại các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau ... Các hãng bia mới cũng xuất hiện nhiều tại địa phương: Sapporo, Sư tử trắng, Asia ... tạo sự cạnh tranh quyết liệt với Bia Sài Gòn.
- Tình hình sản xuất và tiêu thụ từ tháng 03 đến tháng 8/2017 thấp so với kế hoạch sản xuất giao hàng của Tổng Công ty giao, trung bình đạt 3,5 triệu lít/tháng gây ra nhiều áp lực về nhân sự, tiền lương; áp lực vấn đề sản xuất và tiêu thụ cho các tháng cuối năm phải chạy 02 dây chuyền sản xuất mới đảm bảo đạt sản lượng theo kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

2. Các chỉ tiêu tài chính năm 2017:

Từ những thuận lợi, khó khăn nêu trên. Hội đồng quản trị đã cùng với Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty đã quyết tâm thực hiện đạt những kết quả trong sản xuất kinh doanh như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	ĐHĐCĐ GIAO KẾ HOẠCH NĂM 2017	THỰC HIỆN NĂM 2017	SO SÁNH TH / KH
1	SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ	lít	48.000.000	49.083.810	102%
	Bia chai Sài Gòn 355ml	lít	42.000.000	46.118.760	110%
	Bia chai Sài Gòn Special	lít	6.000.000	2.965.050	49%
2	TỔNG DOANH THU	đồng	290.276.240.359	296.790.506.954	102%
3	TỔNG CHI PHÍ	đồng	242.767.798.487	247.533.584.631	102%
4	LỢI NHUẬN (trước thuế)	đồng	47.508.441.871	49.256.922.323	104%
5	TỶ SUẤT LỢI NHUẬN (trước thuế)/VĐL	%	40	41	104%

3. Về chất lượng sản phẩm

- Năm 2017 trung bình điểm cảm quan bia chai Sài Gòn 355ml của Nhà máy Bia Sài Gòn Bạc Liêu đạt 19,05 điểm cao hơn năm 2016 (18,9 điểm); đối với bia chai Sài Gòn Special 330ml thì đạt 18,78 điểm bằng điểm cảm quan năm 2016. Qua điểm cảm quan cho thấy chất lượng sản phẩm của Nhà máy đảm bảo đồng đều ở các khâu sản xuất, do đó toàn bộ sản phẩm sản xuất của Nhà máy Bia Sài Gòn Bạc Liêu năm 2017 đều đạt tiêu chuẩn của Tổng Công ty.
- Công tác đầu tư máy móc thiết bị, dụng cụ phòng thí nghiệm đáp ứng tiến độ yêu cầu của Tổng Công ty đề ra và đã được chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 17025.

4. Các giải pháp để đạt được kết quả nêu trên:

a. Các giải pháp liên quan đến công tác sản xuất, quản trị nội bộ:

- Công ty thực hiện nghiêm chỉnh kế hoạch bảo trì bảo dưỡng máy móc thiết bị theo định kỳ.
- Lập kế hoạch cung ứng và thực hiện mua hàng dự phòng các nguyên vật liệu đầu vào đảm bảo cho sản xuất liên tục với giá cả hợp lý, chất lượng đạt tiêu chuẩn và số lượng phù hợp, tiết kiệm chi phí cho công ty, giá mua NVL phù hợp với giá thị trường tương đương với giá mua của các nhà máy khu vực Miền Tây.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí giá thành của từng mặt hàng, định mức kinh tế kỹ thuật của từng loại nguyên vật liệu; các nguyên liệu malt, gạo định mức thực hiện ổn định, đối với bia chai 355ml thực hiện bình quân định mức malt đạt 115,71 kg/1.000 lít bia, gạo đạt 40,79 kg/1.000 lít bia;

Thực hiện theo chỉ đạo của HĐQT về nâng cao hiệu suất thu hồi, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất. Ban điều hành Nhà máy đã triển khai việc nấu giảm tỷ lệ bay hơi (từ 8,5% → 7,5%), bảo ôn các vị trí van hơi, đường ống hở để giảm thất thoát hơi, kết quả định mức hơi giảm từ 440 kg/1000 lít bia xuống còn 400 kg/1000 lít bia; định mức điện trung bình năm 2017 đạt 113 kW so với năm 2016 là 114,8 kWh/1.000 lít bia

- Kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, thu nợ bán hàng kịp thời.
- Ban điều hành kịp thời đề xuất HĐQT có chính sách khen thưởng cho người lao động trong từng thời điểm như quý, 6 tháng, ngày Lễ, Tết trên cơ sở dựa vào kết quả kinh doanh, lợi nhuận tương ứng với kế hoạch năm, từ đó đã tạo động lực cho toàn thể CB-CNV phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao góp phần hoàn thành nhiệm vụ của công ty.

b. Các giải pháp liên quan đến công tác thị trường:

- Từ tháng 05 năm 2017, Công ty không tham gia công tác thị trường tuy nhiên vẫn phối hợp cùng với Tổng Công ty và Công ty CP Thương mại Sông Hậu thực hiện các chính sách hỗ trợ bán hàng cho khu vực tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu.
- Tiếp tục củng cố và thắt chặt tình cảm, quan hệ hợp tác bền vững giữa Bia Sài Gòn với lãnh đạo địa phương tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau.
- Kế hoạch Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn giao cho Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Bạc Liêu sản xuất, giao hàng bia chai Sài Gòn Export 355ml năm 2017 qua 3 lần điều chỉnh là 44,110 triệu lít. (Theo Thông báo số 1631 ngày 28/12/2016; TB số 403 ngày 10/4/2017; TB số 1000 ngày 11/08/2017). Đối với Bia chai Sài Gòn Special 330ml, kế hoạch Tổng công ty giao cũng qua 3 lần điều chỉnh là 4 triệu lít (Theo như Thông báo điều chỉnh kế hoạch sản xuất giao hàng của bia chai Sài Gòn Export 355ml).

Tổng Công ty giao kế hoạch nhận hàng tại Nhà máy Bia Sài Gòn Bạc Liêu phân bổ theo hàng tuần, tháng, quý, được Công ty Thương mại Bia Sài Gòn cụ thể hóa bằng thông báo lệnh giao hàng tuần cho các chi nhánh Bia Sài Gòn khu vực, trên cơ sở đó các Chi nhánh thương mại và Công ty vận tải Bia Sài Gòn đã kịp thời nhận hàng góp phần cho Nhà máy hoàn thành kế hoạch sản xuất – tiêu thụ được giao năm 2017. Tuy nhiên, tình hình giao hàng có thời điểm không đều theo kế hoạch do các chi nhánh không nhận hết hàng theo thông báo lệnh, nên Công ty chưa chủ động trong việc nấu, lọc, chiết kể cả cân đối số lượng bao bì chai két và bố trí nhân công lao động, cho nên chưa phát huy hết năng lực sản xuất của Nhà máy và hiệu quả chi phí hơn nữa trong sản xuất.

c. Về cơ cấu tổ chức, nhân sự

- Thực hiện theo chủ trương của HĐQT, ban điều hành đã thực hiện tái cơ cấu nhân sự từ tháng 06 năm 2017, giảm cấp quản lý trung gian để cán bộ quản lý chủ động bám sát công việc điều hành tại từng bộ phận. Từ 12 cán bộ quản lý cấp Phó Quản đốc, tổ trưởng, tổ phó nay còn 06 cán bộ quản lý cấp Phó Quản đốc, Tổ trưởng (KCS).
- Nhân sự Công ty tính đến 31/12/2017 là 121 người, giảm 14 lao động so với năm 2016.
- Trong năm 2017 Công ty vẫn duy trì tổ chức đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công nhân viên đảm bảo phục vụ cho công tác sản xuất và quản lý.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ NĂM 2017:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã phê duyệt cho Công ty thực hiện các hạng mục đầu tư dây chuyền chiết chai công suất 30.000 chai/giờ. Giá trị dự toán và ước tính thực hiện thực tế như sau:

T	Hạng mục	Dự toán		Giá trị ước tính thực hiện		Ghi chú
		EUR	VND	EUR	VND	
1	Dây chuyền chiết chai Krones	5.610.000	143.610.000.000	5.605.360	155.918.019.025	(*)
2	Lắp đặt thiết bị dây chuyền chiết		2.380.000.000		2.289.121.568	
	Chi phí xây dựng nền móng và sửa chữa nhà xưởng lắp đặt thiết bị		6.400.000.000		6.309.719.378	
4	Thuê Vinacontrol giám định thiết bị		350.000.000		226.450.909	
5	Chi phí thiết kế xây dựng và lập dự toán		200.000.000		192.727.272	
6	Chi phí giám sát xây dựng		150.000.000		31.278.846	
7	Chi phí thẩm tra dự toán, kiểm định mẫu		110.000.000			
8	Chi phí quản lý dự án		2.500.000.000		980.924.874	
9	Vốn hóa lãi vay trong thời gian đầu tư		3.000.000.000		1.600.000.000	
10	Chi phí dự phòng		300.000.000		1.095.090.041	(**)
	Tổng cộng		159.000.000.000		168.643.331.913	

(*) Giá trị thực hiện tăng do chênh lệch tỷ giá 12 tỷ (Lập dự toán tỷ giá 25.600 đ/e, thiết bị về tỷ giá bình quân 27.816 đ/e, chênh lệch 2.216 đ/e).

(**) Phí chuyển tiền thanh toán mua dây chuyền chiết.

Thời gian đưa dây chuyền chiết mới vào vận hành xin ý kiến cổ đông chậm nhất đến tháng 4/2018. Đến thời điểm hiện tại Nhà máy đã đưa dây chuyền vào sử dụng sản xuất chính thức, dây chuyền chiết sản phẩm bia chai Sài Gòn Export 355 ml và Sài Gòn Special 330 ml theo đúng tiến độ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đặt ra.

III. THANH LÝ TÀI SẢN

- Thực hiện Chủ trương của Hội đồng quản trị, ngày 5 tháng 10 năm 2017 Công ty đã ký hợp đồng nhượng bán dây chuyền chiết chai của KHS, công suất 15.000 chai/giờ. Hoàn thành tháo dỡ ngày 15/05/2018.

IV. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH – ĐẦU TƯ NĂM 2018 :

1. Các chỉ tiêu chính năm 2018:

T T	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	SO SÁNH KH / TH
1	SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ	lít	49.083.810	57.050.000	116%
	Bia chai Sài Gòn 355ml	lít	46.118.760	53.820.000	117%
	Bia chai Sài Gòn Special	lít	2.965.050	3.230.000	109%
2	TỔNG DOANH THU	đồng	296.790.506.954	372.753.250.165	126%
3	TỔNG CHI PHÍ	đồng	247.533.584.631	330.255.689.669	133%
4	LỢI NHUẬN (trước thuế)	đồng	49.256.922.323	42.497.560.496	86%
5	TỶ SUẤT LỢI NHUẬN (trước thuế)/VĐL	%	41	35	86%

2. Các công tác và giải pháp chủ yếu để thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018:

a. Giải pháp về sản xuất và quản trị nội bộ:

- Đưa dây chuyền chiết công suất 30.000 chai/giờ mới vào vận hành sản xuất ổn định ở công suất thiết kế, để nâng cao chất lượng, giảm hao phí và định mức kinh tế kỹ thuật, giảm định biên lao động tham gia vận hành, phục vụ tại 02 dây chuyền chiết chai cũ.
- Phối hợp Tổng Công ty cổ phần bia rượu NGK Sài Gòn để tháo dỡ trả lại Tổng Công ty dây chuyền chiết chai đã thuê và cải tạo nền móng làm kho chứa NVL, bia thành phẩm.
- Hoàn thành công tác đầu tư hệ thống tiết kiệm năng lượng để giảm định mức tiêu thụ hơi, phân đầu đạt định mức tiêu thụ hơi là 360 kg/1.000 lít bia.

- Hoàn thành công tác đầu tư hệ thống nhập nguyên liệu malt bằng container và si lô chứa malt gạo để tiết kiệm chi phí vận chuyển và nhân công, đáp ứng yêu cầu cấu hình thiết bị của Tổng Công ty.
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm bia đạt tiêu chuẩn Tổng Công ty, quản lý tốt định mức kinh tế kỹ thuật. Thực hiện tốt công tác bảo trì, nâng cao kỹ năng dự báo hư hỏng. Lập kế hoạch mua phụ tùng thay thế định kỳ năm, quý, tháng. Hạn chế mua phụ tùng ngoài kế hoạch, đột xuất.
- Tiếp tục xây dựng nét văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, xây dựng tinh đoàn kết nội bộ, phong trào tương thân tương ái trong nội bộ Công ty.
- Tổ chức đào tạo nâng cao trình độ quản lý, kiến thức quản trị của cán bộ điều hành xứng tầm với tốc độ phát triển và thương hiệu của Bia Sài Gòn.
- Phối hợp chia sẻ trao đổi, học hỏi thông tin, kinh nghiệm về quản trị, quản lý trong sản xuất với 6 Nhà máy khu vực Miền Tây.

b. Giải pháp thị trường:

- Tiếp tục giữ mối quan hệ hợp tác để tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ từ Tổng Công ty và các đơn vị trong hệ thống Bia Sài Gòn; sự ủng hộ chính quyền địa phương tại các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau, Sóc Trăng.
- Phối hợp chặt chẽ với Công ty CP Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu trong các công tác hỗ trợ bán hàng và quan hệ địa phương.

3. Kế hoạch đầu tư năm 2018:

STT	Hạng mục đầu tư, sửa chữa	Giá trị dự toán (VND)	Thời gian hoàn thành
I	Đầu tư sửa chữa thiết bị		
1	- Đầu tư lắp mới hệ thống thu hồi năng lượng tại nồi đun sôi nhà nấu bia;	5.500.000.000	Quý 3/2018
2	- Đầu tư mới thiết bị nhập nguyên liệu bằng container tải trọng 60 tấn và 02 si lô chứa malt thể tích 200 m ³ /si lô (chứa 150 tấn malt/silo); cải tạo gàu tải malt; lắp vít tải mới kết nối với hệ thống nhập xuất nguyên liệu hiện hữu; - Đầu tư mới 01 silo chứa gạo thể tích 50m ³ /silo (bằng silo hiện hữu) và vít tải, gàu tải mới để kết nối với hệ thống hiện hữu.	8.000.000.000	Quý 3/2018
3	Đầu tư phần mềm Braumat thay thế PCS7 cho hệ thống Nhà Nấu – Lên Men	4.000.000.000	Quý 3/2018

STT	Hạng mục đầu tư, sửa chữa	Giá trị dự toán (VND)	Thời gian hoàn thành
4	Đầu tư nâng cấp tự động hóa hệ thống xử lý nước (thay thế vận hành thủ công) và thay thế thiết bị hiện hữu do xuống cấp	9.500.000.000	Quý 3/2018
5	Đầu tư hệ thống làm giàu CO2 và cải tạo nâng cấp toàn bộ hệ thống thu hồi CO2 (300kg/giờ)	7.000.000.000	Quý 4/2018
6	Cải tạo Panel các cụm của Tank lên men	1.700.000.000	Quý 3/2018
7	Sửa chữa, thay thế hệ thống thang leo, lan can, sàn thao tác đỉnh tank lên men	1.450.000.000	Quý 2/2018
8	Đường ống ngoại tuyến, đường điện động lực	2.500.000.000	Quý 2/2018
9	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống nấu	1.687.000.000	Quý 3/2018
10	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống động lực, xử lý nước	1.544.000.000	Quý 3/2018
11	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp thiết bị kiểm nghiệm	255.000.000	Quý 3/2018
	CỘNG	43.136.000.000	
II	Sửa chữa nhà xưởng		
1	Thay thế tole và máng xối mái nhà lắp đặt 02 dây chuyền chiết cũ, mái nhà kho thành phẩm, nhà ở tập thể, căn tin,	1.271.850.000	Quý 2/2018
2	Sửa chữa đường nội bộ, nền kho thành phẩm, nền 02 dây chuyền chiết cũ sau khi tháo dỡ, nền khu vực tank lên men, trữ men	2.466.801.000	Quý 3/2018
3	Lắp mới hệ thống PCCC cho dây chuyền chiết chai mới, công suất 30.000 chai/giờ	485.000.000	Quý 1/2018
	CỘNG	4.223.651.000	
	TỔNG CỘNG (I) +(II)	47.359.651.000	

IV. KIẾN NGHỊ:

Nhằm mang lại hiệu quả cho cổ đông, hoàn thành kế hoạch Tổng Công ty giao năm 2018; đóng góp trách nhiệm, lợi ích đối với xã hội, cộng đồng, kính mong Tổng Công ty tiếp tục hỗ trợ giúp đỡ Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu về lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ nhất là hỗ trợ công tác Marketing cho thị trường Bạc Liêu vì hiện nay bia

đối thủ đang dồn toàn lực tập trung nơi đây để cạnh tranh với Bia Sài Gòn làm địa bàn lấn sang các khu vực khác của miền Tây Nam bộ.

Trân trọng kính chúc Quý cổ đông, quý đại biểu mạnh khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Chúc Đại hội cổ đông thành công tốt đẹp.

Trân trọng kính chào

GIÁM ĐỐC

Trịnh Công Vinh

Bạc Liêu, ngày 15 tháng 06 năm 2018



BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG & TÀI CHÍNH NĂM 2017

Kính gửi: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát;

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán;

Căn cứ báo cáo Ban điều hành và kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2017.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông nội dung kết quả thẩm định tình hình tài chính và đánh giá tổng thể hoạt động của Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu năm 2017 như sau:

I. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017:

Báo cáo tài chính năm 2017 của công ty đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán Kiểm toán Nam Việt xác nhận là trung thực, hợp lý, phù hợp chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Qua xem xét Ban kiểm soát cũng thống nhất các nội dung trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 với các số liệu sau :

1. Vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2017	<i>(Đơn vị tính: đồng)</i>
1.1 Tổng tài sản :	303.332.714.246
• Tài sản ngắn hạn:	117.722.991.416
- Tiền và các khoản tương đương tiền	42.021.763.845
- Các khoản phải thu ngắn hạn	40.108.699.288
- Hàng tồn kho	34.257.289.187
- Tài sản ngắn hạn khác	1.335.239.096
• Tài sản dài hạn	185.609.722.830
- Các khoản phải thu dài hạn	5.000.000
- Tài sản cố định	171.856.194.567
- Tài sản dở dang dài hạn	4.663.206.325
- Tài sản dài hạn khác	9.085.321.938
1.2 Tổng nguồn vốn	303.332.714.246
• Nợ phải trả	102.936.734.725
• Vốn chủ sở hữu	200.395.979.521
- Vốn chủ sở hữu	120.120.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển	27.919.729.439
- Lợi nhuận chưa phân phối	52.356.250.082

2. Kết quả kinh doanh năm 2017

2.1 Doanh thu thuần bán hàng	296.068.525.474
2.2 Giá vốn hàng bán :	231.727.785.177
2.3 Lợi nhuận gộp :	64.340.740.297
2.4 Doanh thu hoạt động tài chính :	366.024.772
2.5 Chi phí tài chính :	828.950.523
<i>Trong đó : chi phí lãi vay :</i>	742.475.192
2.6 Chi phí bán hàng :	2.477.127.967
2.7 Chi phí quản lý :	12.033.588.404
2.8 Thu nhập khác	355.956.708
2.9 Chi phí khác	466.132.560
2.10 Tổng lợi nhuận trước thuế	49.256.922.323
2.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.493.493.519
2.12 Lợi nhuận sau thuế	44.763.428.804
2.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.482

3. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

3.1 Khả năng thanh toán nợ ngắn:	1,14 lần
3.2 Khả năng thanh toán nhanh:	0,81 lần
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn điều lệ:	37 %
3.4 Khả năng sinh lời của tài sản:	15 %
3.5 Khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu:	22 %

II. ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH:

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, với định hướng phấn đấu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu mà nghị quyết đại hội đồng cổ đông đề ra.

Hội đồng quản trị cùng Ban điều hành thực hiện sắp xếp định biên lao động, xây dựng sơ đồ tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả, giảm cấp trung gian. HĐQT khuyến khích CB-CNV người lao động có sáng kiến cải tiến, tiết kiệm mang đến hiệu quả cho Công ty.

Việc cắt giảm định biên, chi phí bước đầu ảnh hưởng đến tâm lý người lao động nhưng hiện nay tinh thần làm việc của người lao động đã dần ổn định vì người lao động hiểu được nếu công ty kinh doanh hiệu quả thì thu nhập sẽ ổn định hơn.

Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các biện pháp giảm định mức kinh tế kỹ thuật đặc biệt là năng lượng điện và hơi. Qua đó định mức hơi giảm từ 440 kg/1000 lít bia xuống còn 400 kg/1000 lít bia, điện giảm từ 114,8 kw/1000 lít bia còn 113 kw/1000 lít bia.

Trong năm HĐQT đã ký ban hành điều lệ công ty, các quy chế như quy chế tài chính, quy chế tổ chức hoạt động, quy chế tiền lương, thưởng năng suất giúp cho công tác chỉ đạo, điều hành được xuyên suốt, hiệu quả.

Thực hiện nghị quyết số 02/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/08/2017 của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP bia Sài Gòn – Bạc Liêu về việc đầu tư dây chuyền chiết 30.000 chai/h mới đưa vào vận hành vào tháng 04/2018 đúng theo tiến độ mà nghị quyết đã đề ra.

Những chỉ đạo, chủ trương kịp thời của Hội đồng quản trị đã tạo điều kiện cho Ban điều hành thực hiện tốt kế hoạch đề ra.

Ban điều hành công ty đã chấp hành nghiêm túc chỉ đạo và Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Điều lệ công ty.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Tham gia các phiên họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty, thực hiện đầy đủ trách nhiệm Ban Kiểm soát, kiểm tra giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã tạo điều kiện để Ban kiểm soát hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao cho.

Hàng quý Ban kiểm soát họp với Ban điều hành đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Nhìn chung những tháng đầu năm tình hình tiêu thụ gặp nhiều khó khăn nhưng Ban điều hành đã tích cực trong công tác sản xuất, giao hàng, nỗ lực quản lý chặt chẽ các chi phí góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2017.

Trong năm thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát như sau:

- Thù lao các thành viên Ban kiểm soát: 240.000.000 đồng.
- Thưởng các thành viên Ban kiểm soát: 200.000.000 đồng.
- Chi phí hoạt động Ban kiểm soát: 41.777.777 đồng.

IV. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018:

Tiếp tục giám sát việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đảm bảo đúng theo qui định của pháp luật và điều lệ công ty.

Kiểm tra, giám sát các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018, với điều lệ công ty và quy định pháp luật.

Xin cảm ơn và chúc Đại hội thành công.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Tấn Phiên



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – BẠC LIÊU

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6003000028 ngày 22 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp và các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi bổ sung.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; Sản xuất kinh doanh cồn – rượu; Kinh doanh kho bãi, vận tải hàng hóa liên tỉnh; Mua bán rác thải phế liệu, thủy tinh, cao su phế thải, rác thải, đồng nát; Kinh doanh nông sản sơ chế, lương thực - thực phẩm và dịch vụ ăn uống đặc sản.

Trụ sở chính của Công ty tại Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau :

Hội đồng Quản trị:

Bà Phạm Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đồi	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Hải	Ủy viên
Ông Phạm Đình Hùng	Ủy viên (đến 20/04/2017)
Ông Phạm Hồng Minh	Ủy viên
Ông Trần Nguyễn Trung	Ủy viên (từ 20/04/2017)

Ban Giám đốc:

Ông Trịnh Công Vinh	Giám đốc (từ ngày 01/09/2017)
Ông Nguyễn Văn Đồi	Giám đốc (đến ngày 31/08/2017)
Ông Trịnh Công Vinh	Phó Giám đốc (đến ngày 31/08/2017)
Ông Trần Văn Sang	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Vạn Đồng	Phó Giám đốc (từ 01/01/2018)

Ban kiểm soát:

Ông Nguyễn Tấn Phiến	Trưởng ban (từ 20/04/2017)
Bà Trần Thị Ngọc Diệp	Trưởng ban (đến 20/04/2017)
Ông Phạm Hồng Thắng	Thành viên (đến 20/04/2017)
Bà Dương Thị Thúy Hồng	Thành viên
Bà Trần Thị Ngọc Diệp	Thành viên (từ 20/04/2017)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

1308.
CÔNG TY
KIỂM TOÁN
VỤ TƯ
VẤN KẾ
TOÁN VÀ
KIỂM TOÁN
NAM VIỆT
TP. HCM

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2017 của Công ty được trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo



Phạm Thị Hồng Hạnh
Chủ tịch

Ngày 05 tháng 03 năm 2018

Thay mặt Ban Giám đốc *Trịnh Công Vinh*



Trịnh Công Vinh
Giám đốc

C.T.
BAN
VẤN
TOÁN
ĐÁN
T
CHỈ M



Số : 55-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu, được lập ngày 05/03/2018, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
và Kiểm toán Nam Việt



Nguyễn Thị Lan
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0167-2018-152-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Anh Tuấn
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1559-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		117.722.991.416	97.224.345.928
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	42.021.763.845	39.359.395.230
1. Tiền	111		421.763.845	859.395.230
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.600.000.000	38.500.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.108.699.288	16.142.183.402
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	21.276.794.660	14.022.284.770
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	17.936.015.156	1.864.315.429
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	895.889.472	255.583.203
III. Hàng tồn kho	140	V.5	34.257.289.187	40.747.398.717
1. Hàng tồn kho	141		34.257.289.187	40.747.398.717
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.335.239.096	975.368.579
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	1.335.239.096	975.368.579
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		185.609.722.830	210.682.065.307
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	5.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	5.000.000	5.000.000
II. Tài sản cố định	220		171.856.194.567	189.973.939.600
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	171.680.906.592	189.764.224.981
- Nguyên giá	222		355.378.653.786	349.125.696.394
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(183.697.747.194)	(159.361.471.413)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	175.287.975	209.714.619
- Nguyên giá	228		313.633.827	313.633.827
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(138.345.852)	(103.919.208)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.663.206.325	4.868.443.877
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	4.663.206.325	4.868.443.877
III. Tài sản dài hạn khác	260		9.085.321.938	15.834.681.830
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	9.085.321.938	15.834.681.830
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		303.332.714.246	307.906.411.235

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		102.936.734.725	107.288.957.654
I. Nợ ngắn hạn	310		102.936.734.725	107.288.957.654
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	8.735.222.214	15.420.043.366
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.715.000.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	43.962.622.286	81.355.908.445
4. Phải trả người lao động	314		5.155.936.346	6.191.244.052
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	484.239.146	123.829.490
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13	180.969.693	321.454.545
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	12.210.072.100	718.667.450
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	28.000.000.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.492.672.940	3.157.810.306
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		200.395.979.521	200.617.453.581
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	200.395.979.521	200.617.453.581
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.120.000.000	120.120.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.120.000.000	120.120.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		27.919.729.439	22.540.284.062
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		52.356.250.082	57.957.169.519
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		22.547.724.142	26.897.226.885
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		29.808.525.940	31.059.942.634
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		303.332.714.246	307.906.411.235

Người lập biểu



Trần Thị Thảo

Ngày 05 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng



Trần Thị Chất



Giám đốc



Trịnh Công Vinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		296.068.525.474	321.031.322.542
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	296.068.525.474	321.031.322.542
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	231.727.785.177	262.971.221.408
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.340.740.297	58.060.101.134
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	366.024.772	609.406.017
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	828.950.523	407.262.597
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		742.475.192	395.266.384
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.477.127.967	10.308.586.785
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12.033.588.404	5.409.887.194
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		49.367.098.175	42.543.770.575
11. Thu nhập khác	31	VI.7	355.956.708	159.749.685
12. Chi phí khác	32	VI.8	466.132.560	13.050.269
13. Lợi nhuận khác	40		(110.175.852)	146.699.416
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		49.256.922.323	42.690.469.991
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	4.493.493.519	3.741.417.519
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	-	(408.022.092)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		44.763.428.804	39.357.074.564
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	3.482	2.586

Người lập biểu

Trần Thị Thảo

Ngày 05 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Trần Thị Chất

Giám đốc



Trịnh Công Vinh

21386
CÔNG T
NHẬN
VỤ T
LÍNH K
KIỂM T
AM VI
TP. HỒ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	49.256.922.323	42.690.469.991
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	24.370.702.425	25.109.174.186
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	20.115.805	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(366.024.772)	(606.909.036)
- Chi phí lãi vay	06	742.475.192	395.266.384
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	74.024.190.973	67.588.001.525
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(7.267.955.574)	11.556.147.575
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	6.490.109.530	4.775.634.389
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(43.850.406.615)	(123.699.991.469)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	6.389.489.375	(2.743.722.044)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(696.447.795)	(395.266.384)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.005.822.852)	(3.700.142.379)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.608.040.230)	(12.315.401.371)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	26.475.116.812	(58.934.740.158)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua, xây dựng tài sản cố định	21	(25.008.682.969)	(10.400.384.679)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.859.910.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay	27	366.024.772	606.909.036
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(21.782.748.197)	(9.793.475.643)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	321.717.230.548	223.110.091.097
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(293.717.230.548)	(223.110.091.097)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(30.030.000.000)	(27.072.760.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.030.000.000)	(27.072.760.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.662.368.615	(95.800.975.801)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	39.359.395.230	135.160.371.031
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	42.021.763.845	39.359.395.230

KẾ TOÁN
 VẤN ĐỀ TOÁN
 OÁN T
 CHỈ V

Người lập biểu

Trần Thị Thảo

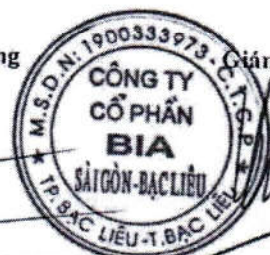
Trần Thị Thảo

Ngày 05 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Trần Thị Chất

Trần Thị Chất



Giám đốc

Trịnh Công Vinh

Số: /2018/BC - HĐQT

TP.HCM, ngày 15 tháng 06 năm 2018



BÁO CÁO ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017;
KẾ HOẠCH VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Năm 2017 Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu bên cạnh những thuận lợi được sự hỗ trợ, chỉ đạo kịp thời từ SABECO, sự ủng hộ giúp đỡ của địa phương; Công ty phải vượt qua nhiều khó khăn: về công tác giao hàng không đều tại các tháng đầu năm và cao điểm lễ tết làm cho công ty bị động khi tổ chức sản xuất, giao hàng, tồn kho và chuẩn bị nguồn lực cục bộ khi thực hiện nhiệm vụ; máy móc thiết bị của nhà máy hoạt động thiếu đồng bộ, hao phí trong sản xuất cao, nhân công sử dụng nhiều...

Trong năm Hội đồng quản trị đã luôn chỉ đạo quyết liệt, đề ra nhiều chủ trương nghị quyết kịp thời để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, ổn định tình hình hoạt động của công ty, chăm lo động viên kịp thời cho cán bộ CNV người lao động, luôn tạo sự đoàn kết thống nhất cao trong công ty góp phần hoàn thành nhiệm vụ SXKD của năm.

I. Kết quả thực hiện nghị quyết năm 2017

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2017 (ĐHĐCĐ) (1)	THỰC HIỆN 2017 (2)	Tỷ lệ 3= 2/1
1	SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ	lít	48.000.000	49.083.810	102%
	Bia chai Sài Gòn 355ml	lít	42.000.000	46.118.760	110%
	Bia chai Sài Gòn Special	lít	6.000.000	2.965.050	49%
2	TỔNG DOANH THU	đồng	290.276.240.359	296.790.506.954	102%
3	TỔNG CHI PHÍ	đồng	242.767.798.478	247.533.584.631	102%
4	LỢI NHUẬN(trước thuế)	đồng	47.508.441.871	49.256.922.323	104%
5	TỶ SUẤT LỢI NHUẬN (trước thuế)/VĐL	%	40%	41%	104%

Như vậy công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của ĐHCĐ năm 2017. Chỉ số lợi nhuận Ebit đạt 1000đ/lít bia.

2. Công tác đầu tư và thanh lý năm 2017:

a) Về đầu tư: thực hiện 5/8 hạng mục so với kế hoạch đăng ký: trong đó có một số hạng mục đầu tư lớn để nâng cao hiệu suất hoạt động, chất lượng sản phẩm đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật công nghệ hiện nay của SABECO: Đã triển khai lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 15/08/2017 về Tổng mức đầu tư dây chuyền chiết chai 30.000 chai/h giá trị là 159 tỷ, tỷ lệ đồng ý 71%. Thành lập Ban quản lý dự án ngày 16/09/2017, đã ký hợp đồng ngày 21/08/2017. Đến thời điểm hiện tại Nhà máy đã đưa

dây chuyên vào sử dụng sản xuất chính thức, dây chuyên chiết sản phẩm bia chai Sài Gòn Export 355 ml và Sài Gòn Special 330 ml theo đúng tiến độ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đặt ra.

b) Về thanh lý: Chỉ đạo ban điều hành kịp thời tổ chức thanh lý tài sản, vật tư phụ tùng không còn sử dụng để thu hồi vốn, quy hoạch lại mặt bằng sản xuất, sắp xếp lại lao động công ty phù hợp với thiết bị mới để giảm chi phí sản xuất; Kết quả:

- Đã ký hợp đồng thanh lý bán dây chuyên chiết 15.000chai/h (KHS) với giá bán dây chuyên này giá trị 23 tỷ đồng, đã hoàn thành bàn giao và tháo dỡ trong tháng 5/2018;
- Phối hợp Tổng Công ty cổ phần bia rượu NGK Sài Gòn để tháo dỡ trả lại Tổng Công ty dây chuyên chiết chai đã thuê.

II. Hoạt động của HĐQT năm 2017

1. Về cơ cấu nhân sự HĐQT: Năm 2017 có sự thay đổi nhân sự:

- Tháng 4/2017 đã bổ sung Ông Trần Nguyên Trung thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Tây thay Ông Phạm Đình Hùng nghỉ hưu.
- Tháng 9/2017 Ông Nguyễn Văn Đồi thành viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu thôi kiêm nhiệm Giám đốc công ty theo đơn từ nhiệm.

2. Về thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của các thành viên HĐQT:

Thực hiện đúng theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông thông qua, cụ thể:

- Thù lao các thành viên HĐQT là 860.000.000đồng;
- Thưởng các thành viên HĐQT là 1.225.000.000 đồng (3% theo NQ ĐHCĐ)
- Chi phí hoạt động HĐQT là 81.222.220 đồng;

3. Hoạt động HĐQT theo quy định luật doanh nghiệp và điều lệ tổ chức hoạt động công ty:

Năm 2017 HĐQT đã quản lý và chỉ đạo điều hành công ty tuân thủ theo đúng các quy định tại luật Doanh nghiệp, điều lệ tổ chức hoạt động công ty, quy chế công ty và tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết của đại hội đồng cổ đông năm 2017.

HĐQT tổ chức cuộc họp theo hình thức họp trực tiếp, Email, lấy ý kiến bằng phiếu; Các kỳ họp có mời Ban Kiểm soát và Ban điều hành công ty tham dự họp đầy đủ; Trong năm đã tổ chức họp định kỳ theo quy định và họp nhiều lần tập trung chỉ đạo kịp thời để giải quyết các vấn đề như: Chỉ đạo sản xuất kinh doanh, đầu tư, tái cấu trúc công ty theo hướng tinh gọn hiệu quả. Sắp xếp lao động theo các vị trí công việc để nâng cao năng suất lao động. Sửa đổi và ban hành các quy chế, quy định trong quản lý điều hành công ty. Phân cấp rõ trách nhiệm của các cấp quản lý từ HĐQT đến Ban điều hành đã tạo ra sự minh bạch, chủ động trong chỉ đạo quản lý và điều hành. Phối kết hợp với ban kiểm soát để tăng cường giám sát chặt chẽ kết quả kinh doanh từng kỳ và hiệu quả sử dụng vốn...

Số lần họp và ra nghị quyết trong năm như sau:

- Họp HĐQT 16 lần và phiếu lấy ý kiến 10 lần.
- Họp đại hội cổ đông bất thường bằng hình thức lấy phiếu ý kiến 01 lần.
- Ban hành 15 nghị quyết HĐQT.
- Ban hành 11 quyết định của CT HĐQT.

4. Kết quả giám sát của HĐQT đối với Giám đốc và cán bộ quản lý công ty: Sau 10 năm đi vào hoạt động HĐQT đã tập trung chỉ đạo những vấn đề quan trọng cốt lõi để nâng cao năng lực cạnh tranh về năng lực sản xuất đáp ứng yêu cầu của SABECO:

4.1 Về quản lý điều hành công ty: HĐQT phê duyệt kịp thời sửa đổi ban hành các quy chế phù hợp với điều lệ công ty, luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành của Nhà nước tạo điều kiện ban điều hành hoạt động minh bạch và tăng cường hiệu quả giám sát công ty, gồm:

- Quy chế tài chính theo điều lệ mới, trong đó phân cấp chi tiêu (nội dung chi, mức ngân sách, cấp đề xuất, cấp phê duyệt...)

- Quy chế lương, thưởng theo vị trí công việc, hiệu quả công việc.
- Quy chế phối hợp làm việc giữa HĐQT với Ban điều hành, giữa Ban điều hành với các bộ phận, với cơ quan liên quan và trách nhiệm báo cáo theo nguyên tắc: Các cấp chức danh HĐQT bổ nhiệm thì chịu trách nhiệm báo cáo trực tiếp các đầu mục công việc được phân công đến HĐQT.

4.2 Sắp xếp tổ chức bộ máy của công ty theo hướng tinh gọn hiệu quả:

a) Công tác cán bộ

- Đã bổ nhiệm Giám đốc công ty Ông Trịnh Công Vinh từ tháng 09/2017.
- Đã đồng ý Ông Nguyễn Hữu Thoại nguyên trưởng phòng HCTH/thư ký HĐQT xin nghỉ việc từ 01/12/2017.

b) Công tác Tổ chức định biên, lao động, chế độ lương, thưởng

- Xây dựng lại sơ đồ tổ chức công ty chức năng nhiệm vụ của các bộ phận, định biên lao động theo vị trí công việc, loại bỏ các nhân sự trung gian (cấp phó phòng, tổ phó, chuyên viên) bố trí kiêm nhiệm nhằm tăng sự trực tiếp điều hành và giám sát công việc.

c) Về định biên lao động

- Giảm lao động 14 người, từ 135 người còn 121 người
- Giảm cán bộ quản lý trung gian và tăng cường công tác điều hành trực tiếp, số cán bộ giảm 6 người (01 tổ trưởng và 05 tổ phó).
- Xác định lại số lượng lao động thuê ngoài, bóc xếp: Giảm lao động thuê ngoài từ 116 người còn 72 người khi chạy 1 dây chiết, 90 người khi chạy 2 dây chiết và sau khi đầu tư dây chuyền chiết mới giảm tiếp còn 49 người.
- Xây dựng cơ sở xác định mức lương các cấp quản lý và người lao động hiện tại theo vị trí công việc, mặt bằng thu nhập khu vực, trách nhiệm công việc được phân công.

4.3 Quản lý tài chính:

- Quản lý, kiểm soát tốt việc sử dụng nguồn vốn; rà soát và có biện pháp để đạt được các định mức kinh tế kỹ thuật hợp lý; giảm chi phí quản lý và các chi phí không cần thiết. Kết quả là lợi nhuận vượt 4% so với kế hoạch của Đại hội cổ đông.

4.4 Quản lý và tiết kiệm năng lượng: Thực hiện chủ trương tiết kiệm năng lượng của HĐQT, Ban điều hành đã triển khai nhiều giải pháp tiết kiệm năng lượng để giảm định mức sử dụng. Kết quả định mức hơi giảm từ 440 kg/1000 lít bia xuống còn 400 kg/1000 lít bia; định mức điện trung bình năm 2017 giảm từ 114,8 kW xuống còn 113kWh/1.000 lít.

4.5 Môi trường: Công ty đã duy trì thường xuyên việc cấp hơi nóng từ năng lượng tái tạo để giảm chi phí hơn khi sử dụng dầu FO và bảo vệ môi trường. Đã lắp đặt thiết bị giám sát trực tuyến chất lượng nước thải nhằm đảm bảo kiểm soát tiêu chuẩn xả thải ra môi trường và sẵn sàng kết nối trực tuyến về sở tài nguyên môi trường theo yêu cầu; duy trì tốt môi trường xanh - sạch - đẹp, tỉ lệ cây xanh cao.

4.6 An sinh xã hội: Công ty đã phối hợp phong trào do địa phương phát động như xây nhà tình nghĩa, chăm lo người nghèo, tham gia ngày hội xanh...

III. Kế hoạch, phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2018

1. Cơ cấu nhân sự HĐQT, Ban kiểm soát: Đến thời điểm hiện tại 2018 cơ cấu nhân sự HĐQT, Ban kiểm soát không thay đổi theo kết quả bầu cử Đại hội đồng cổ đông ngày 20/04/2017.

2. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất, tiêu thụ, các yêu cầu nâng cao tiêu chuẩn kỹ thuật của sản phẩm, giá nguyên liệu đầu vào của SABECO. HĐQT dự kiến các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cơ bản của năm 2018 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2018	SỐ SÁNH KH/TH
1	TỔNG DOANH THU	đồng	296.790.506.954	372.753.250.165	126%
2	TỔNG CHI PHÍ	đồng	247.533.584.631	330.255.689.669	133%
3	LỢI NHUẬN (trước thuế)	đồng	49.256.922.323	42.497.560.496	86%
4	TỶ SUẤT LỢI NHUẬN (trước thuế) /VĐL	%	41%	35%	86%

2.2 Kế hoạch đầu tư, mua sắm tài sản và xây dựng cơ bản năm 2018

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu và đầu tư mới theo yêu cầu kỹ thuật công nghệ của SABECO; Tổng mức đầu tư mới dự kiến khoảng 47.36 tỷ đồng, cụ thể một số hạng mục lớn: Hệ thống thu hồi năng lượng tại nồi đun sôi nhà nấu bia; Thiết bị nhập nguyên liệu bằng container tải trọng 60 tấn và 02 silô chứa malt thể tích 200m³/silô và 01 silô chứa gạo thể tích 50m³; Nâng cấp tự động hóa và đầu tư một số thiết bị hệ thống xử lý nước cấp, Hệ thống làm giàu CO₂; Phần mềm Braumat thay thế PCS7 ..
- Sau khi thanh lý dây chuyền chiết cũ và hoàn trả dây chuyền chiết thuê của SABECO quy hoạch lại mặt bằng phục vụ cho sản xuất kinh doanh;

2.3 Các vấn đề khác

- HĐQT tiếp tục chỉ đạo các nhiệm vụ trọng yếu đã đề ra trong năm 2017 nhằm quản trị công ty trên nguyên tắc minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản.
- Phân đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất giao hàng cho SABECO về số lượng và chất lượng sản phẩm, đảm bảo lợi ích các cổ đông và người lao động.
- Tiết kiệm năng lượng bảo vệ môi trường, duy trì nhà máy xanh sạch đẹp; An ninh an toàn lao động.
- Đào tạo nhân sự đáp ứng các yêu cầu của quản trị sản xuất và kinh doanh.
- Thực hiện trách nhiệm xã hội với cộng đồng tại địa phương.

3. Kiến nghị:

Kiến nghị SABECO hỗ trợ công ty một số vấn đề sau:

- a. Về công tác giao nhận hàng hóa: Đề nghị được giao hàng đều và đủ sản lượng các tháng trong năm theo thông báo lệnh của SABECO, nhằm giúp công ty chủ động ổn định sản xuất giao hàng và tồn kho.
- b. Về công tác đầu tư chiều sâu theo yêu cầu của SABECO: công ty cần sự hỗ trợ về việc xây dựng các yêu cầu kỹ thuật, xuất xứ thiết bị cụ thể phù hợp với tiêu chuẩn của SABECO.

Chân thành cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Các TV HĐQT, BKS
- Lưu thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Hồng Hạnh

Số 04 /2018/TT-HĐQT

Bạc Liêu, ngày 15 tháng 06 năm 2018



TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung điều lệ của Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu;

Căn cứ Luật chứng khoán và các quy định có liên quan;

Căn cứ thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Hội đồng Quản trị đã họp thống nhất nội dung Dự thảo sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. (Dự thảo Điều lệ được đính kèm tài liệu họp ĐHĐCĐ)

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông.

Trân trọng !

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Hồng Hạnh



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	5
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần	8
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	9
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	10
Điều 12. Quyền của cổ đông	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	15
Điều 17. Thay đổi các quyền	15
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	24
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	25
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	29
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	30
CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC CÔNG TY, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	33
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	33

Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp -----	33
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc -----	33
Điều 34. Thư ký Công ty -----	35
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT -----	35
Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên -----	35
Điều 36. Kiểm soát viên -----	36
Điều 37. Ban kiểm soát -----	37
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC -----	38
Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng -----	38
Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi -----	38
Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường -----	39
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY -----	40
Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ -----	40
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN -----	41
Điều 42. Công nhân viên và công đoàn -----	41
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN -----	41
Điều 43. Phân phối lợi nhuận -----	41
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 42 -----	42
Điều 44. Tài khoản ngân hàng -----	42
Điều 45. Năm tài chính -----	42
Điều 46. Chế độ kế toán -----	42
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN -----	43
Điều 47. Báo cáo tài chính năm -----	43
Điều 48. Báo cáo thường niên -----	43
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY -----	43
Điều 49. Kiểm toán -----	43
CHƯƠNG XVII. CON DẤU -----	44
Điều 50. Con dấu -----	44
CHƯƠNG XVIII. MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN -----	44
Điều 51. Quan hệ giữa Công ty và Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty liên kết -----	44
CHƯƠNG XIX. QUẢN LÝ VỐN CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC -----	44
Điều 52. Đại diện chủ sở hữu của Công ty ở doanh nghiệp khác -----	44
Điều 53. Quyền của Hội đồng quản trị Công ty đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp khác. -----	44
Điều 54. Nghĩa vụ của Hội đồng quản trị công ty đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp khác. -----	45
Điều 55. Trách nhiệm của Người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác -----	45
Điều 56. Nghĩa vụ của Người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác 46	46
CHƯƠNG XX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ -----	46
Điều 57. Chấm dứt hoạt động -----	46

Điều 58. Gia hạn hoạt động -----	47
Điều 59. Thanh lý -----	48
CHƯƠNG XXI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ -----	48
Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ -----	48
CHƯƠNG XXII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ -----	49
Điều 61. Điều lệ công ty -----	49
CHƯƠNG XXIII. NGÀY HIỆU LỰC -----	49
Điều 62. Ngày hiệu lực -----	49

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông số ngày ... tháng ... năm 2018.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2007, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 cùng các văn bản hướng dẫn có liên quan.
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Bạc Liêu (sau đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng;
 - f. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty;
 - g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - i. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty được quy định tại Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành ngày 26 tháng 06 năm 2015.
 - j. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - k. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-BẠC LIÊU
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: SAIGON-BACLIEU BEER JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN-BẠC LIÊU
- Tên Công ty viết tắt: SAIGON-BACLIEU BEER JSC

2. Công ty Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu (sau đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B5, Khu công nghiệp Trà Kha, Phường 8, Thành phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam
- Điện thoại: 02913 780781
- Fax: 02913 780 567
- E-mail: bsgbaclieu@gmail.com
- Website: www.biasaigonbaclieu.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 57 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 58 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:
 - Sản xuất bia (bia tươi, bia hơi, bia chai, bia hộp) và mạch nha ủ men bia; sản xuất rượu mạnh;
 - Kinh doanh dịch vụ ăn uống đặc sản;
 - Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
 - Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai, sản xuất các loại đồ uống không cồn khác;
 - Mua bán đồ uống không cồn (nước hoa quả, nước ngọt, nước khoáng, nước tinh khiết); mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia);
 - Mua bán thực phẩm, lương thực, hàng nông sản sơ chế;
 - Mua bán rác phế liệu, thủy tinh, cao su phế thải, rác thải, đồng nát; mua bán bã hèm; mua bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
2. Mục tiêu hoạt động của công ty là huy động vốn và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển các hoạt động kinh doanh và dịch vụ nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao đời

sống của người lao động trong công ty; đảm bảo lợi ích cho các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 120.120.000.000 đồng (bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ, một trăm hai mươi triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 12.012.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.
9. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty tối đa là 49%, trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số

- tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
 3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
 5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Vietinbank CN Bạc Liêu công bố tại thời điểm tương ứng) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
 6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Vietinbank – Chi nhánh Bạc Liêu công bố tại thời điểm thanh toán) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc công ty.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu/bầu cử trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;
 - j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:
 - a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 35 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- 1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- 3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
- 4. Cung cấp chính xác họ, tên, địa chỉ thường trú, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức khi đăng ký mua cổ phần và thông báo cho công ty khi có thay đổi về các nội dung trên.
- 5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- 6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
- c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;
- d. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
- e. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
 - e. Mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một Người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi Người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho Người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức thực hiện ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.

Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.
3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn bảy (07) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; (nếu có)
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; (Giấy ủy quyền)
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát:

- a. Nếu số ứng viên lớn hơn số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần

tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

- b. Nếu số ứng viên bằng với số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tương tự điểm a khoản 3 Điều này hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 điều này.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - h. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - i. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - j. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm

bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số đăng ký doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số đăng ký doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Phương án bầu cử (nếu có);
 - g. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - h. Thời hạn kiểm phiếu;
 - i. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số phiếu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo điều 21 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số lượng cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên;
- i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy

định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

- Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - Thành viên đó gửi đơn từ chức bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

- m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
 - p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% vốn điều lệ công ty căn cứ báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu làm Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;

- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
 4. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
 5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày quyết định bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị có hiệu lực.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải

chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư qua đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm

mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 39 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội

đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.
15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và nghị quyết, biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC CÔNG TY, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g. Vào tháng 12 hàng năm, Giám đốc Công ty phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng kế hoạch sản lượng Tổng Công ty giao và phù hợp với định hướng, kế hoạch dài hạn và chiến lược của Công ty;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị

thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 34. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
3. Tham dự các cuộc họp.
4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; trên 30% được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 36. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Ban kiểm soát kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 37. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Tiền lương hoặc thù lao và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

Tiền lương hoặc thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong

cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính

và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội

đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 42. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 43. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ theo ủy quyền của Đại hội cổ đông nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 46. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 47. Báo cáo tài chính năm

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được đồng thời công bố trên website của Công ty.

Điều 48. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 49. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin

khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 50. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Điều 51. Quan hệ giữa Công ty và Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty liên kết

1. Công ty là chủ sở hữu đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty thành lập; thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ này.
2. Công ty quản lý cổ phần, vốn góp chi phối thông qua Người đại diện ở công ty có vốn góp của Công ty, và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào công ty đó.
3. Quan hệ giữa Công ty với Công ty liên kết

Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ của bên góp vốn thông qua đại diện của mình tại công ty liên kết, phù hợp với pháp luật và điều lệ của Công ty liên kết.

CHƯƠNG XIX. QUẢN LÝ VỐN CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 52. Đại diện chủ sở hữu của Công ty ở doanh nghiệp khác

Hội đồng quản trị là đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện chức năng, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ sở hữu đối với phần vốn của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 53. Quyền của Hội đồng quản trị Công ty đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp khác.

1. Quyết định đầu tư góp vốn; tăng giảm vốn đầu tư, vốn góp theo quy định của Điều lệ Công ty và Điều lệ của Doanh nghiệp có vốn góp của Công ty.
2. Cử, thay đổi, bãi miễn Người đại diện phần vốn góp của Công ty (sau đây gọi tắt là Người đại diện) theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp có vốn góp của Công ty (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp khác) và Luật Doanh nghiệp.

- Quyết định khen thưởng, kỷ luật, phụ cấp và lợi ích khác có liên quan đối với Người đại diện. Chi phí phụ cấp trách nhiệm, thưởng và lợi ích khác có liên quan đối với Người đại diện được tính vào chi phí kinh doanh của doanh nghiệp đó hoặc từ nguồn quỹ của Công ty theo quy chế của Công ty và theo quy định của pháp luật.
- Yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh, công tác quản lý tài chính, quản lý vốn, tài sản và các nội dung khác về doanh nghiệp đó.
- Giao nhiệm vụ và yêu cầu Người đại diện xin ý kiến về những vấn đề quan trọng quy định tại khoản 2 điều 56 của Điều lệ này, của doanh nghiệp khác trước khi tham gia biểu quyết tại doanh nghiệp đó; báo cáo việc sử dụng vốn cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu kinh doanh của Công ty.
- Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn Công ty góp ở doanh nghiệp khác, phần vốn thu về, kể cả lãi được chia do Công ty quyết định sử dụng để phục vụ các mục tiêu kinh doanh của Công ty.
- Giám sát, kiểm tra việc sử dụng vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác.

Điều 54. Nghĩa vụ của Hội đồng quản trị công ty đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp khác.

- Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của công ty.
- Thực hiện các quyền của Cổ đông tại các doanh nghiệp khác. Định hướng hoạt động theo mục tiêu của Công ty tại doanh nghiệp mà Công ty có cổ phần chi phối.
- Chỉ đạo Người đại diện có biện pháp kịp thời để bảo toàn số vốn của Công ty trong trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty bị thua lỗ, mất vốn, phải xem xét giải thể hoặc lâm vào tình trạng phá sản.
- Giám sát việc thu hồi lợi tức được hưởng từ số vốn Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Điều 55. Trách nhiệm của Người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác

- Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn trong doanh nghiệp có vốn góp của Công ty tùy theo quy định của pháp luật và điều lệ doanh nghiệp đó. Trường hợp Công ty nắm giữ cổ phần chi phối của doanh nghiệp khác thì Người đại diện của Công ty sử dụng quyền cổ phần chi phối hoặc vốn góp chi phối để định hướng doanh nghiệp đó thực hiện mục tiêu do Hội đồng quản trị Công ty quy định. Yêu cầu doanh nghiệp mà mình làm đại diện chuyển lợi tức được chia về Công ty.
- Tham gia ứng cử hoặc đề cử vào bộ máy quản lý, điều hành của doanh nghiệp đó.
- Theo dõi và giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty.

4. Người đại diện của Công ty tại doanh nghiệp khác nếu trực tiếp tham gia quản lý điều hành doanh nghiệp thì được hưởng lương, các khoản phụ cấp và tiền thưởng theo quy định của doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp đó trả; trường hợp làm việc kiêm nhiệm thì tiền lương do Công ty trả; doanh nghiệp trả thù lao và các chi phí hợp lý khác.

Điều 56. Nghĩa vụ của Người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác

1. Thực hiện chế độ báo cáo Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty về hiệu quả sử dụng phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác; Trường hợp không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định, lợi dụng quyền đại diện phần vốn góp, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại vật chất theo quy định của pháp luật.
2. Xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị Công ty trước khi tham gia biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, tại cuộc họp Hội đồng quản trị của doanh nghiệp có vốn góp của Công ty về phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, sửa đổi bổ sung điều lệ, tăng giảm vốn điều lệ, chia lợi tức, bán tài sản có giá trị lớn cần có biểu quyết của cổ đông, thành viên góp vốn.
3. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị Công ty về hiệu quả sử dụng vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp mà mình làm đại diện. Người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác không làm tròn nhiệm vụ, lạm dụng quyền và nghĩa vụ gây thiệt hại phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính, nếu cấu thành tội phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp không đôn đốc kịp thời thu về số lợi tức được chia để cho doanh nghiệp khác chiếm dụng thì phải bồi thường theo lãi suất tiền vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng. Nếu có hành vi trực tiếp gây thiệt hại vật chất phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
4. Hợp đồng kinh tế, lao động, dân sự của doanh nghiệp khác do người của Công ty trực tiếp quản lý điều hành ký kết với Người đại diện của Công ty, hoặc với vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của người đó phải được kịp thời báo cáo cho Hội đồng quản trị Công ty trước khi thực hiện. Trường hợp Hội đồng quản trị Công ty phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi với đầy đủ bằng chứng chứng minh nhưng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu người đó không được ký kết hợp đồng đó; nếu hợp đồng đã được ký kết mà dẫn đến thiệt hại thì người đó phải bồi thường thiệt hại cho doanh nghiệp mà mình được cử làm đại diện và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 57. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 58. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 59. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XXI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;
2. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

3. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
4. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XXII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXIII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 23 chương 62 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Bạc Liêu nhất trí thông qua ngày 15 tháng 06 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Nộp và đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định;
 - b. Lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

PHẠM THỊ HỒNG HẠNH

NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN BẠC LIÊU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI thông qua ngày 29/06/2006;

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017.

- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017.

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	CĂN CỨ PHÁP LÝ
L. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1.Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a."Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này; d."Ngày thành lập" là ngày Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bạc Liêu (sau đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu; đ."Cán bộ quản lý" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1.Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a."Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này; d."Ngày thành lập" là ngày Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Bạc Liêu (sau đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu; e."Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng. f."Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty. h."Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 111 LDN2014 Điều chỉnh phù hợp với tên gọi GCN ĐKDN Căn cứ Khoản 5 Điều 2 NĐ71/2017 DN bổ sung các chức danh điều hành khác Sửa đổi phù hợp với Khoản 2, Điều 4, LDN 2014 Sửa đổi phù hợp với Khoản 3, Điều 2, NĐ71
II.TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO	

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:</p> <p>a. Số lượng Người đại diện theo pháp luật là một (01) người. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>b. Nghĩa vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty</p>	<p>Quy định cụ thể tại Điều 3</p>
	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>a. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>c. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>d. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 2, Điều 13 LDN2014 (Phải quy định rõ số lượng người đại diện pháp luật của Công ty)</p>

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>e. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	
<p>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p> <p>Điều 3. Ngành nghề và mục tiêu kinh doanh của Công ty</p> <p>Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p>	<p>CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p> <p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</p> <p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p>	
<p>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</p> <p>Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p>	<p>CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP</p> <p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp điểm a, Khoản 1, Điều 33 LDN2014</p>
<p>Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với thực tế có thể tăng vốn theo Điều 122 hoặc giám vốn theo Khoản 2, Điều 131 LDN2014</p> <p>Sửa đổi phù hợp với</p>

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu số cổ phần Công ty chỉ phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>	<p>toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu số cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p>	<p>Khoản 1, Điều 120 LDN2014</p>
<p>Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.</p>	<p>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều chỉnh phù hợp với thực tế công ty đang đăng ký giao dịch UpCom</p>
<p>Điều 9. Thu hồi cổ phần</p>	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p>	

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p>Căn cứ khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp</p>
	<p>CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</p>	
<p>Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>	<p>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>	
<p>Điều 11. Quyền của cổ đông 2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều 114 LDN2014</p>
<p>e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật; h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp; 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05%</p>	<p>i. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật; i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp; 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng</p>	

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cụ thể như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p> <p>đ. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát.</p>	<p>số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này;</p>	
<p>Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều 114 LDN2014</p>
<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài</p>	

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 13;</p> <p>d. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b</p>	<p>chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p> <p>b. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;</p> <p>e. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 4 Điều 8 NĐ71</p> <p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 136, Khoản 3 Điều 156 LDN2014</p> <p>Sửa đổi nhằm tham chiếu cho phù hợp</p> <p>Sửa đổi nhằm tham chiếu cho phù hợp</p>

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>khoản 4 điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tập hợp Đại hội đồng cổ đông có đăng theo quy định tại Luật doanh nghiệp.</p>	<p>khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tập hợp Đại hội đồng cổ đông có đăng theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</p>	
<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; o. Việc Giám đốc Công ty đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p>	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau: c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên</p>	<p>Bổ điểm o Khoản 2 Điều này đi vì ND71 trong vòng 3 năm nữa CT HĐQT không được kiêm nhiệm Giám đốc</p>
<p>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền dự họp 4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Điều 16. Đại diện theo ủy quyền 4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với thuật ngữ dùng tại ND71 (Khoản 1 Điều 8)</p>
<p>Điều 16. Thay đổi các quyền 2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.</p>	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền 2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.</p>	
<p>Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này. 2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:</p>	<p>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này. 2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 137 và</p>

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>a.Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;</p> <p>3.Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty là công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>a.Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn bảy (07) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b.Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c.Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d.Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>g.Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3.Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp đề các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a.Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b.Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên</p>	<p>Khoản 7, Điều 136 LDN2014</p> <p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1,2 Điều 139 LDN 2014</p>

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều 17 trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;</p> <p>6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị</p>	<p>trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; (nếu có)</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; (Giấy ủy quyền)</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 2, Điều 138 LDN2014</p> <p>Sửa đổi phù hợp với Điểm c, Khoản 3, Điều 114 LDN 2014</p> <p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3, Điều 138 LDN2014</p> <p>Được quy định tại</p>

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.		Điều 21 Điều lệ này
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	
Điều 19. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 20. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, Điều 142 LDN2014
<p>1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ phản đối nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ phản đối nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 6 Điều 142 LDN 2014</p>
<p>3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.</p> <p>5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự,</p>	<p>3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p> <p>5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 6 Điều 142 LDN 2014</p> <p>Sửa đổi phù hợp với</p>

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p>	<p>Khoản 3, Điều 142 LDN2014</p>
<p>7.Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p>	<p>6.Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 4, Điều 142 LDN2014</p>
<p>6.Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.</p>	<p>7.Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 8, Điều 142 LDN2014</p>
<p>8.Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cân trọng có thể từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.</p>	<p>8.Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cân trọng có quyền từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 7, Điều 142 LDN2014</p>
<p>9.Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cân trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>c.Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p>	<p>9.Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cân trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:</p> <p>c.Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 7, Điều 142 LDN2014</p>
<p>Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>10.Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi</p>	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p> <p>10.Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập</p>	

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>xác định địa điểm đại hội có thể:</p>	<p>hợp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p>	
<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1.Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; e. Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.</p>	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1.Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của công ty;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1,2 Điều 144 LDN2014 và quy định cụ thể đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản. Thông nhất với điểm 1 khoản 2 Điều 15</p>
<p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này; 3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản</p>	<p>2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này. 3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát: a. Nếu số ứng viên lớn hơn số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo</p>	<p>Đề xuất bỏ do yêu cầu đến 65% tổng số phiếu Biểu quyết mới được thông qua nên quy định thêm các điều khoản khác sẽ tạo ra sơ hở dễ gây tranh chấp</p>
		<p>Bổ sung phù hợp với khoản 3 Điều 144 LDN2014</p>

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p>	<p>đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.</p> <p>Nếu số ứng viên bằng với số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tương tự điểm a khoản 3 Điều này hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (lần thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết</p>	<p>Đề xuất bỏ do đã quy định cụ thể cho từng trường hợp tại khoản 1 và khoản 2</p>
<p>4.Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>5.Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày</p>	<p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>Căn cứ khoản 2 Điều 148 LDN 2014</p> <p>Quy định cụ thể tại Điều 23</p>

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>ngợi quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p> <p>Điều 21. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1.Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty:</p>	<p>Điều 22. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1.Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:</p> <p>a.Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty; b.Định hướng phát triển công ty; c.Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; d.Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; c.Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của công ty; f.Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g.Tổ chức lại, giải thể công ty; h.Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; i.Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; j.Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. f.Phương án bầu cử (nếu có); h.Thời hạn kiểm phiếu; c.Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử; d.Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và</p>	<p>Bổ sung căn cứ Điều 142 và 145 LDN 2014</p>
<p>c.Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d.Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và</p>		

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e.Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>6.Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản khi đạt tỷ lệ cổ đông chấp thuận như quy định tại điều 20 của Điều lệ này có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;</p> <p>e.Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>7.Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo điều 21 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1.Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a.Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b.Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c.Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d.Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>c.Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f.Số lượng cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g.Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 6, Điều 145 LDN2014</p> <p>Điều chỉnh tham chiếu</p> <p>Bổ sung phù hợp với Khoản 1, Điều 146 LDN2014</p>

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc.</p> <p>Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Nội dung và hình thức của Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 136 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên;</p> <p>i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 146 LDN2014</p> <p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 146 LDN2014</p>
<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày</p>	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với</p>

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.</p>	<p>Điều 147 LDN 2014</p>
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
<p>Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan</p>	<p>Bổ sung phù hợp với Điều a, Khoản 3, Điều 8, TT155 & Khoản 1, Điều 11, ND71</p>

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>2.Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải</p>	<p>đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <p>a.Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</p> <p>b.Trình độ học vấn;</p> <p>c.Trình độ chuyên môn;</p> <p>d.Quá trình công tác;</p> <p>e.Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</p> <p>f.Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</p> <p>g.Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>h.Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>i.Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>2.Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p> <p>3.Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 114 LDN2014</p> <p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 3 Điều 11 ND71</p>

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>	
<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>4. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. 3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị; g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 5 Điều 13 ND71 Sửa đổi phù hợp với Khoản 1 Điều 156 LDN2014 x x</p> <p>Quy định này bắt buộc phải tuân thủ tại Khoản 3 Điều 156 LDN 2014. Mặc khác hiện nay ND71 đã bỏ đi quy định về việc bầu tạm thời TV HĐQT (trước đó TT121 có quy định nội dung này).</p>
<p>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác. 3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật</p>	<p>Thuộc Nghĩa vụ Sửa đổi phù hợp với</p>

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác</p> <p>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty</p> <p>đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật này</p> <p>e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật</p> <p>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc giá trị khác. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật doanh nghiệp</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng, thư ký hội đồng quản trị; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công</p>	<p>pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>b.Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c.Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;</p>

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó</p> <p>k. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;</p> <p>l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;</p> <p>m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>n. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông</p> <p>o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p>	<p>d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác;</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p>h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;</p> <p>i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</p> <p>k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;</p> <p>l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;</p>	

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017**NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG****CĂN CỨ PHÁP LÝ**

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

đ. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% vốn điều lệ công ty tại thời điểm tương ứng hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

f. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

g. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;

p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% vốn điều lệ công ty căn cứ báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</p> <p>k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>l. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p> <p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc, Ban điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo tài chính năm của Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p>	<p>đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p> <p>5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.</p> <p>Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu làm Chủ tịch.</p>	<p>Tách thành điều khoản riêng nhưng nội dung không có thay đổi</p> <p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 2, Điều 12 NĐ71</p>
<p>Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và Điều lệ công ty, pháp luật về chứng khoán không có quy định khác.</p> <p>2. Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.</p>		

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyên dụng thư ký công ty đề hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</p> <p>b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</p> <p>d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</p> <p>đ) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</p> <p>e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>4. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyên dụng thư ký công ty đề hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày quyết định bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị có hiệu lực.</p>	<p>Nghĩa vụ của Thư ký được Quy định tại Điều</p> <p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 6 Điều 152 LDN 2014. Quy định phải tổ chức đại hội bầu bổ sung khi số TV HĐQT giảm quá 1/3 là bắt buộc phải tuân thủ tại Khoản 3 Điều 156 LDN 2014 nên không trình bày lại.</p>
<p>Điều 27. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu</p>	<p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ</p>	

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</p> <p>5.Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>7.Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8.Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người đại diện (người được ủy quyền).</p>	<p>tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</p> <p>5.Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>7.Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư qua đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p> <p>8.Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>9.Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 7 Điều 153 LDN2014.</p> <p>Căn cứ Điều 9 Điều 30 TT95</p>

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đồng nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đóng phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng

9. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng

Bổ sung phù hợp với
 Điểm d khoản 9 Điều
 153 LDN 2014

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 35 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%).</p> <p>12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng</p>	<p>quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 41 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 7 Điều 153 LDN 2014</p> <p>Quy định cụ thể tại điểm 9 Điều này</p>

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản, nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực từ ngày được thông qua tại cuộc họp. Trường hợp có thành viên Hội đồng quản trị phản đối, yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</p>	<p>15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và nghị quyết, biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều i khoản 1 Điều 154 LDN 2014</p>
VIII. GIÁM ĐỐC CÔNG TY, CÁN BỘ QUẢN	CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC CÔNG TY,	

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	
Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý	Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý	
Điều 29. Cán bộ quản lý	Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp	Sửa đổi theo định nghĩa của ND71.
<p>1.Theo đề nghị của Giám đốc Công ty và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyên dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>2.Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các khoản khác đối với Giám đốc Công ty Theo quy định của Công ty.</p>	<p>1.Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyên dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2.Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.</p>	Sửa đổi theo định nghĩa của ND71.
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty	Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	Sửa đổi theo định nghĩa của ND71 & Khoản 3, Điều 158 LDN2014
<p>1.Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc Công ty; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc Công ty phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Giám đốc Công ty là không quá 5 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc Công ty không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.</p>	<p>1.Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2.Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3.Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p>	Sửa đổi phù hợp với Khoản 2 Điều 157 LDN2014
3.Giám đốc Công ty có những quyền hạn và trách		Sửa đổi phù hợp với

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>nhệm sau:</p> <p>a)Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>b)Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>c)Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;</p> <p>d)Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;</p> <p>đ)Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị .</p> <p>e)Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc</p> <p>f)Tuyên dụng lao động;</p> <p>g)Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>h)Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị phê duyệt sơ đồ tổ chức và định biên lao động.</p>	<p>a.Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b.Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c.Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>d.Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>e.Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác</p>	<p>Khoản 3 Điều 157 LDN2014</p>

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017

i. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

j) Vào tháng 12 hàng năm, Giám đốc Công ty phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng kế hoạch sản lượng Tổng Công ty giao và phù hợp với định hướng, kế hoạch dài hạn và chiến lược của Công ty;

l) Trình kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính cho năm tiếp theo vào ngày 31/10 để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

4. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

đổi với người điều hành doanh nghiệp đề Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g) Vào tháng 12 hàng năm, Giám đốc Công ty phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng kế hoạch sản lượng Tổng Công ty giao và phù hợp với định hướng, kế hoạch dài hạn và chiến lược của Công ty;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

CĂN CỨ PHÁP LÝ

4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản

Sửa đổi phù hợp với

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.</p>	<p>Điều 1 Khoản 2 Điều 149 LDN2014</p> <p>Sửa đổi phù hợp với Điều 1 Khoản 2 Điều 149 LDN2014</p>
<p>Điều 31. Thư ký Công ty IX. BAN KIỂM SOÁT</p>	<p>Điều 34. Thư ký Công ty CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT</p> <p>Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định lại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; trên 30% được đề cử đủ số ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>Bổ sung Kiểm soát viên phù hợp với Khoản 2 Điều 168 LDN2014</p>
<p>Điều 32. Thành viên của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát công ty gồm ba (03) thành viên.</p>	<p>Điều 36. Kiểm soát viên</p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Khoản 1, 2 Điều 163 & Khoản 1 Điều 164</p>

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên tuân thủ theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp.</p> <p>5. Thành viên của Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau: Thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật doanh nghiệp;</p> <p>Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty; Thành viên đó bị rớt loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự; Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức</p>	<p>không hạn chế. Trường hợp Ban kiểm soát kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</p> <p>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</p> <p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p>	<p>LDN2014</p> <p>Sửa đổi phù hợp với Điều 169 LDN2014</p>

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>vụ của người này bị bỏ trống; Thành viên đó bị cách chức Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>d.Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này. 5.Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau: a.Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b.Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; c.Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; d.Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	
<p>Điều 33. Ban kiểm soát 1.Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 37. Ban kiểm soát 1.Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau: a.Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; b.Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình; c.Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông; d.Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm</p>	<p>Điều 165 LDN 2014</p>

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>2. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát được quy định theo điều 166 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.</p>	<p>và có giải pháp khác phục hậu quả;</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p>	
<p>X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC</p>	<p>CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p>	
<p>Điều 34. Trách nhiệm cân trọng</p>	<p>Điều 38. Trách nhiệm cân trọng</p>	
<p>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>	<p>Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết</p>	<p>Sửa đổi phù hợp với Điều 159 LDN2014</p>
<p>3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh</p>		<p>Sửa đổi phù hợp với</p>

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
<p>cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc Công ty, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p>định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	<p>Điều b Khoản 3 Điều 26 ND71</p>
<p>Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</p>	<p>Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</p>	
<p>Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</p>	<p>Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</p>	
<p>Điều 38: Công nhân viên và công đoàn XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</p>	<p>Điều 42. Công nhân viên và công đoàn CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</p>	
<p>Điều 39. Phân phối lợi nhuận XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</p>	<p>Điều 43. Phân phối lợi nhuận CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</p>	
<p>Điều 40. Tài khoản ngân hàng</p>	<p>Điều 44. Tài khoản ngân hàng</p>	
<p>Điều 41. Năm tài chính</p>	<p>Điều 45. Năm tài chính</p>	
<p>Điều 42. Chế độ kế toán XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</p>	<p>Điều 46. Chế độ kế toán CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN</p>	
<p>Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý 5 Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</p>	<p>Điều 47. Báo cáo tài chính năm</p>	<p>Không có quy định</p>
<p>Điều 44. Báo cáo thường niên</p>	<p>Điều 48. Báo cáo thường niên</p>	

ĐIỀU LỆ CÔNG TY NĂM 2017	NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	CĂN CỨ PHÁP LÝ
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	
Điều 50. Kiểm toán	Điều 49. Kiểm toán	
XVII. CON DẤU	CHƯƠNG XVII. CON DẤU	
Điều 46. Con dấu	Điều 50. Con dấu	
XVIII. MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN	XVIII. MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN	
Điều 47. Quan hệ giữa Công ty và Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty liên kết	Điều 51. Quan hệ giữa Công ty và Công ty con là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty liên kết	
XIX. QUẢN LÝ VỐN CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC	XIX. QUẢN LÝ VỐN CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC	
Điều 48. Đại diện chủ sở hữu của Công ty ở doanh nghiệp khác	Điều 52. Đại diện chủ sở hữu của Công ty ở doanh nghiệp khác	
Điều 49. Quyền của Hội đồng quản trị Công ty đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp khác.	Điều 53. Quyền của Hội đồng quản trị Công ty đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp khác.	
Điều 50: Nghĩa vụ của Hội đồng quản trị công ty đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp khác.	Điều 54: Nghĩa vụ của Hội đồng quản trị công ty đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp khác.	
Điều 51: Trách nhiệm của Người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác	Điều 55: Trách nhiệm của Người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác	
Điều 52: Nghĩa vụ của Người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác	Điều 56: Nghĩa vụ của Người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác	
CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	CHƯƠNG XX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	
Điều 52. Chấm dứt hoạt động	Điều 57. Chấm dứt hoạt động	
Điều 54. Gia hạn hoạt động	Điều 58. Gia hạn hoạt động	
Điều 54. Thanh lý	Điều 59. Thanh lý	
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	CHƯƠNG XXI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ	
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	CHƯƠNG XXII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	
Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	Điều 61. Điều lệ công ty	
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC	CHƯƠNG XXIII. NGÀY HIỆU LỰC	
Điều 57. Ngày hiệu lực	Điều 62. Ngày hiệu lực	

Số 05/2018/TT-HĐQT

Bạc Liêu, ngày 15 tháng 06 năm 2018



TỜ TRÌNH

V/v: *Thông qua quy chế quản trị của Công ty*

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu;

Căn cứ Luật chứng khoán và các quy định có liên quan;

Căn cứ thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.

Hội đồng Quản trị đã họp thống nhất nội dung Dự thảo quy chế quản trị của Công ty CP Bia Sài Gòn – Bạc Liêu để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. (Dự thảo quy chế quản trị được đính kèm tài liệu họp ĐHĐCĐ)

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông.

Trân trọng !

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Hồng Hạnh

CÔNG TY CỔ PHẦN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BIA SAIGÒN - BẠC LIÊU

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SAIGÒN - BẠC LIÊU**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu.

MỤC LỤC

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	3
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	3
Điều 3. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	3
Điều 4. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 5. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	8
Điều 6. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên	8
Điều 7. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	9
Điều 8. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc	11
Điều 9. Quy định về đánh giá hàng năm, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác	12

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính, quy định về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.
2. Công ty: là Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu
3. HĐQT: là HĐQT
4. Ứng cử: là tự đề cử
5. BKS: là Ban kiểm soát
6. VSD: là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
7. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)
8. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Điều 3. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

a. HĐQT ban hành Nghị quyết về ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông và phải công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

b. Thủ tục lập danh sách cổ đông của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD):

- Chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, Công ty phải gửi cho VSD thông báo về ngày đăng ký cuối cùng theo Mẫu 07 Quy chế số 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017 và các tài liệu kèm theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy chế số 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017.
- VSD gửi cho Công ty danh sách cổ đông theo Quy chế số 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017.

2. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Điều 18 Điều lệ Công ty.

3. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.

b. Cổ đông đăng ký hình thức tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp. Việc ủy quyền thực hiện theo Điều 16 Điều lệ Công ty.
- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật;
- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu:

Khi làm thủ tục đăng ký dự họp, Công ty cấp cho từng đại biểu có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của đại biểu và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông đó.

Đại biểu đến sau khi cuộc họp đã khai mạc đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội sau khi đăng ký. Chủ toạ không có trách nhiệm dừng đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi

a. Cách thức bỏ phiếu và kiểm phiếu biểu quyết:

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

- Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
- Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

b. Cách thức bỏ phiếu và kiểm phiếu bầu cử:

✚ Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ;
- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử;
 - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” của các ứng viên tương ứng;
 - + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:
 - + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
 - + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

✚ Bầu cử theo phương thức biểu quyết:

- Thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 3 Quy chế này.

c. Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

5. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

a. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại điểm này.

b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 5 Điều này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo Điều 23 Điều lệ Công ty.

7. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp hoặc khi kết thúc kiểm phiếu lấy ý kiến.

8. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

a. Các trường hợp được lấy ý kiến bằng văn bản quy định tại khoản 1 Điều 22 Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- Định hướng phát triển công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

b. Quy trình lấy ý kiến bằng văn bản:

- Việc chốt danh sách cổ đông có quyền biểu quyết thực hiện theo Khoản 1 Điều 3 Quy chế này.
- Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo Điều 22 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty.

2. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị:

a. Cổ đông, nhóm cổ đông được quyền ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.

b. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

a. Danh sách ứng viên để bầu HĐQT phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

b. Trước khi bầu cử, mỗi đại biểu được phát phiếu bầu trên đó ghi mã số đại biểu, họ và tên của đại biểu và số phiếu bầu và danh sách các ứng viên.

c. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng

quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thực hiện theo Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2014.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

6. Công bố thông tin ứng viên thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 5. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Thông báo họp Hội đồng quản trị; Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị; Cách thức biểu quyết; Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị; Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị và Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 30 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện theo khoản 2 Điều 36 Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

2. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên:

a. Cổ đông, nhóm cổ đông được quyền ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo khoản 1,2 Điều 35 Điều lệ Công ty.

b. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Cách thức bầu Kiểm soát viên:

a. Danh sách ứng viên để bầu Kiểm soát viên phải được ĐHCĐ thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

b. Trước khi bầu cử, mỗi đại biểu được phát phiếu bầu trên đó ghi mã số đại biểu, họ và tên của đại biểu và số phiếu bầu và danh sách các ứng viên.

c. Việc bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số Kiểm soát viên được bầu. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho vị trí Kiểm soát viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 Điều 21 Điều lệ công ty.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 36 Điều lệ Công ty.

5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 7. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

1. Các tiêu chuẩn và điều kiện của người điều hành:

a. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Công ty.

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

b. Tiêu chuẩn và điều kiện của Phó Giám đốc

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

c. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kế toán trưởng

- Không là những người không được làm kế toán theo Điều 52 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 19 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP;
- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
- Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;
- Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ trung cấp trở lên;
- Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;
- Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba (03) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng.

2. Hội đồng quản trị quyết định việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo các quy định do Hội đồng quản trị ban hành.

3. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp:

Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Khoản 2 Điều 27 và Điều 33 Điều lệ công ty. Một thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

HĐQT có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

4. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;
- b. Có đơn từ chức;
- c. Vi phạm trách nhiệm và nghĩa vụ của người điều hành quy định tại Điều lệ Công ty;
- d. Không hoàn thành nhiệm vụ;
- e. Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- f. Các đối tượng không được tham gia quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

5. Công ty công bố thông tin bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành trên website, cho các cơ quan hữu quan, Ủy ban Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định hiện hành.

Điều 8. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc được thực hiện theo Điều 30 Điều lệ Công ty và quy định sau:

a. Ban Kiểm soát được nhận thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

b. Trường hợp Giám đốc được mời tham dự cuộc họp HĐQT thì sẽ được nhận thông báo và các tài liệu kèm theo (nếu có).

c. Biên bản họp HĐQT và nghị quyết của HĐQT được gửi đến Ban Kiểm soát và Giám đốc vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

2. Yêu cầu phối hợp từ Ban kiểm soát:

a. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm. Yêu cầu tham dự họp Ban Kiểm soát phải được gửi bằng văn bản trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và các tài liệu kèm theo (nếu có).

b. Biên bản họp của Ban Kiểm soát có sự tham gia của thành viên HĐQT và Giám đốc phải được gửi đến các thành viên tham dự cuộc họp.

3. Trường hợp Ban Kiểm soát hoặc Giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT thì phải gửi văn bản đến Chủ tịch HĐQT, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT theo thời hạn quy định tại Điều lệ Công ty.

4. Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý, Giám đốc phải lập báo cáo gửi đến HĐQT và Ban Kiểm soát về:

a. Kết quả và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh;

b. Việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

c. Việc thực hiện nghị quyết HĐQT và các vấn đề HĐQT ủy quyền.

5. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên và Giám đốc:

a. HĐQT giám sát Giám đốc trong việc điều hành kinh doanh hàng ngày của Công ty; Ban Kiểm soát giám sát HĐQT và Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc vi phạm các quy định pháp luật, điều lệ Công ty, nghị quyết của HĐQT thì cơ quan giám sát phải thông báo ngay bằng văn bản đến đối tượng vi phạm, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

b. Trường hợp HĐQT phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

c. Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT, Giám đốc khi tiến hành các hoạt động kiểm tra tại Công ty trước 05 ngày làm việc.

Điều 9. Quy định về đánh giá hàng năm, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác

1. Đánh giá hàng năm:

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công, Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác.
- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công, Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng Kiểm soát viên.

2. Khen thưởng:

- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh, Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm quyết định việc trích quỹ khen thưởng đối với Hội đồng Quản trị, Giám đốc, người điều hành và Ban Kiểm soát.
- Căn cứ vào kết quả đánh giá hàng năm, Hội đồng Quản trị quyết định việc chi thưởng đối với các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác.

3. Kỷ luật:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Bộ luật Lao động, Hội đồng Quản trị xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị nếu vi phạm. Mức độ xử lý từ nhắc nhở, khiển trách, cảnh cáo, miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Bộ luật Lao động, Ban Kiểm soát xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định kỷ luật đối với Kiểm soát viên nếu vi phạm. Mức độ xử lý từ nhắc nhở, khiển trách, cảnh cáo, miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Bộ luật Lao động, Hội đồng Quản trị xem xét, quyết định kỷ luật đối với Giám đốc, người điều hành nếu vi phạm. Mức độ xử lý từ nhắc nhở, khiển trách, cảnh cáo, kéo dài thời hạn nâng bậc lương, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Quy chế này gồm 09 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Bạc Liêu nhất trí thông qua ngày 15 tháng 06 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHẠM THỊ HỒNG HẠNH

Số 06/2018/TT-HĐQT

Bạc Liêu, ngày 15 tháng 06 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v: *Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017*

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2017 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2017 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2017		THỰC HIỆN 2017		THỰC HIỆN/ KẾ HOẠCH
		TỶ LỆ	SỐ TIỀN (đồng)	TỶ LỆ	SỐ TIỀN (đồng)	
1	Lợi nhuận trước thuế		47,508,441,871		49,256,922,323	
2	Thuế TNDN		3,563,133,140		4,493,493,519	
3	Lợi nhuận sau thuế		43,945,308,731		44,763,428,804	102%
	Lợi nhuận giữ lại từ các năm trước chuyển sang		22,547,724,142		22,547,724,142	
4	Cộng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		66,493,032,873		67,311,152,946	
5	Phân phối lợi nhuận					
	Quỹ đầu tư phát triển	20%	8,789,061,745		0	
	Quỹ khen thưởng HĐQT, BKS	3%	1,318,359,262	5%	2,238,171,440	
	Quỹ an sinh xã hội		1,600,000,000		3,000,000,000	
6	Chia cổ tức	20%	24,024,000,000	30%	36,036,000,000	150%
	- Bằng tiền	20%	24,024,000,000	30%	36,036,000,000	150%
7	Lợi nhuận giữ lại chuyển năm sau		30,761,611,865		26,036,981,505	

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Hồng Hạnh

Số 07/2018/TT-HĐQT

Bạc Liêu, ngày 15 tháng 06 năm 2018



TỜ TRÌNH

V/v: **Kế hoạch Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu;
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch tài chính năm 2018;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018 như sau:

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2017		KẾ HOẠCH 2018	
		TỶ LỆ	SỐ TIỀN (đồng)	TỶ LỆ	SỐ TIỀN (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế		49,256,922,323		42,497,560,496
2	Thuế TNDN		4,493,493,519		3,205,317,037
3	Lợi nhuận sau thuế		44,763,428,804		39,292,243,459
	Lợi nhuận giữ lại từ các năm trước chuyển sang		22,547,724,142		26,036,981,505
4	Cộng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		67,311,152,946		65,329,224,964
5	Phân phối lợi nhuận				
	Quỹ khen thưởng HĐQT, BKS	5%	2,238,171,440	5%	1,964,612,173
	Quỹ an sinh xã hội		3,000,000,000		2,000,000,000
6	Chia cổ tức	30%	36,036,000,000	25%	30,030,000,000
	- Bằng tiền	30%	36,036,000,000	25%	30,030,000,000
7	Lợi nhuận giữ lại chuyển năm sau		26,036,981,505		31,334,612,791

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Hồng Hạnh



Số 08/2018/TT-HĐQT

Bạc Liêu, ngày 15 tháng 06 năm 2018

TỜ TRÌNH**Quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và Kế hoạch 2018****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán;
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch tài chính năm 2018;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua quyết toán thù lao HĐQT và Ban kiểm soát năm 2017 và Kế hoạch năm 2018 như sau:

TT	THÙ LAO	ĐVT	THEO NGHỊ QUYẾT 01/2017/NQ- ĐHĐCĐ (đ/người/tháng)	THỰC HIỆN 2017 (đ/người/tháng)	KẾ HOẠCH 2018 (đ/người/tháng)
1	Hội đồng Quản trị	đồng	900,000,000	860,000,000	1,560,000,000
	Chủ tịch	đồng	25,000,000	25,000,000	40,000,000
	Thành viên HĐQT (4 người)	đồng	10,000,000 15,000,000	10,000,000 15,000,000	(*)20,000,000 (**) 25,000,000
2	Ban Kiểm soát	đồng	240,000,000	240,000,000	300,000,000
	Trưởng ban	đồng	10,000,000	10,000,000	15,000,000
	Thành viên BKS (2 người)	đồng	5,000,000	5,000,000	5,000,000
	TỔNG CỘNG	đồng	1,140,000,000	1,100,000,000	1,860,000,000

(*) Hai thành viên HĐQT không chuyên trách

(**) Hai thành viên HĐQT chuyên trách

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông.
Trân trọng !

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Hồng Hạnh

Số 09/2018/TT-HĐQT

Bạc Liêu, ngày 15 tháng 06 năm 2018



TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2018

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

*Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty CP Bia Sài Gòn - Bạc Liêu;
Căn cứ Luật kiểm toán độc lập hiện hành;*

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán như sau:

Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán cho Công ty CP Bia Sài Gòn Bạc Liêu của năm tài chính 2018 theo đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông.
Trân trọng !

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Phạm Thị Hồng Hạnh